

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ĐẶNG THỊ HUYỀN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

ĐẶNG THỊ HUYỀN

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỐNG THẤT
THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI TẠI CHI
CỤC THUẾ KHU VỰC NGÔ QUYÊN - HẢI AN, THÀNH
PHỐ HẢI PHÒNG - ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. LƯƠNG KHÁNH CHI

Hải Phòng - 2021

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	iv
LỜI CẢM ƠN	v
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan nghiên cứu.....	2
3. Mục đích nghiên cứu.....	3
4. Câu hỏi nghiên cứu	3
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
6. Phương pháp nghiên cứu.....	4
7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu.....	6
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ VÀ CHỐNG THẮT THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI.....	7
1.1 Tổng quan về doanh nghiệp vận tải	7
1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp	7
1.1.2. Đặc điểm doanh nghiệp vận tải.....	7
1.1.3. Vai trò của doanh nghiệp vận tải	8
1.2. Tổng quan về thuế	9
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm.....	9
1.2.2. Các sắc thuế.....	11
1.2.2.2. Thuế giá trị gia tăng.....	13
1.2.2.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	19
1.2.2.4. Thuế thu nhập cá nhân.....	20
1.2.3. Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp vận tải	21
1.2.3.1. Khái niệm quản lý thuế.....	21
1.2.3.2. Mục tiêu quản lý thuế.....	21

1.2.3.3. Nguyên tắc quản lý thuế đối với doanh nghiệp.....	21
1.2.3.4. Phương thức quản lý thuế đối với doanh nghiệp vận tải.....	22
1.3. Lý luận chung về thất thu thuế và chống thất thu thuế trong doanh nghiệp vận tải	23
1.3.1. Khái niệm thất thu thuế và chống thất thu thuế	23
1.3.2. Các dạng thất thu thuế và nguyên nhân của thất thu thuế.....	24
1.3.2.1. Các dạng biểu hiện của thất thu thuế:.....	24
1.3.2.2. Nguyên nhân của thất thu thuế	25
1.3.3 Sự cần thiết phải chống thất thu thuế và các biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải.....	26
1.3.4. Quy trình quản lý chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỐNG THẤT THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC NGÔ QUYỀN - HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	36
2.1. Giới thiệu về Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thành phố Hải Phòng.....	36
2.1.1 Vị trí, chức năng.....	36
2.1.2 Nhiệm vụ và quyền hạn.....	36
2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy.....	39
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy tại chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An ...	39
2.2. Thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.....	40
2.2.1. Khái quát về các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền – Hải An	40
2.2.2. Thực trạng công tác chống thất thu thuế tại các doanh nghiệp vận tải của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An	43
2.2.2.1. Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý kê khai tính thuế.....	43
2.2.2.2. Thực trạng chống thất thu thuế qua việc thực hiện kế hoạch kiểm tra thuế	47

2.2.2.3. Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý nợ đọng thuế	59
2.2.2.4. Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý thu nộp thuế	63
2.2.2.5. Thực trạng chống thu thuế qua quản lý thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế	65
2.2.2.6. Thực trạng chống thất thu thuế qua công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.....	66
2.2.4. Đánh giá chung về công tác chống thất thu thuế doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.....	68
2.2.4.1. Thành tựu đạt được	68
2.2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân	69
CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP CHỐNG THẤT THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC NGÔ QUYỀN - HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	74
3.1 Mục tiêu và yêu cầu của công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.....	74
3.1.1. Mục tiêu	74
3.1.2. Yêu cầu.....	76
3.2. Biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An	76
3.2.1. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	77
3.2.2. Tăng cường công quản lý hóa đơn.....	79
3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT để nâng ý thức chấp hành pháp luật Thuế của NNT	82
3.2.4. Các biện pháp khác được đề xuất để chống thất thu thuế.....	87
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

Người cam đoan

Đặng Thị Huyền

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu, toàn thể quý thầy cô Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng những người đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và viết luận văn tốt nghiệp.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất đến người thầy hướng dẫn TS. Lương Khánh Chi đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, động viên tôi thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới cơ quan, gia đình, bạn bè đã luôn chia sẻ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn tất cả.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

TÁC GIẢ

Đặng Thị Huyền

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
BTC	Bộ Tài chính
CQT	Cơ quan thuế
CTCP	Công ty Cổ phần
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doang nghiệp tư nhân
ĐTNT	Đối Tượng nộp thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
HTX	Hợp tác xã
NNT	Người nộp thuế
NSNN	Ngân sách Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
VAT	Thuế giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TKTN	Tự khai tự nộp
TP	Thành phố
TTHT	Tuyên truyền hỗ trợ

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy tại chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An ...	39
Bảng 2.1: Số lượng doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An từ năm 2016 -2020	40
Bảng 2.2: Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải chia theo loại hình doanh nghiệp	41
Bảng 2.3: Bậc thuế Môn bài.....	42
Bảng 2.5. Thực trạng tình hình phân cấp và kê khai thuế của doanh nghiệp vận tải giai đoạn 2016 -2020.....	44
Bảng 2.6 Tình hình nộp hồ sơ khai thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải	44
Bảng 2.7 Tình hình xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An	46
Bảng 2.8 Tình hình kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT đối với doanh nghiệp vận tải thuộc Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An.....	47
Bảng 2.9. Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp vận tải thuộc Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An	49
Bảng 2.10. Tình hình nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền - Hải An	60
Bảng 2.11. Thực trạng công tác quản lý nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền - Hải An	61
Bảng 2.12. Kết quả thực hiện thu nộp thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An	63
Bảng 2.13. Kết quả thực hiện thu nộp theo sắc thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An	63
Bảng 2.14. Tình hình giải quyết hồ sơ hoàn thuế của doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế quận Ngô Quyền	65

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước, là công cụ điều tiết vĩ mô quan trọng của Nhà nước. Năm 2020 tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng về vấn đề địa lý, chính trị, dịch bệnh... làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình thực hiện dự toán thu Ngân sách nhà nước của ngành thuế nói chung và ngành thuế Hải Phòng nói riêng.

Vận tải là huyết mạch của nền kinh tế, vận tải phát triển sẽ thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo. Vận tải liên kết các nền kinh tế, rút ngắn khoảng cách về không gian địa lý, nhằm giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, thúc đẩy thương mại phát triển, làm lợi cho cả người sản xuất và tiêu dùng. Những năm qua, thị trường vận tải Việt Nam đang dần mở rộng theo nhịp độ chung của xu thế thương mại. Cùng với sự phát triển kinh tế, đã tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải trong địa bàn thành phố Hải Phòng nói chung và quận Ngô Quyền và quận Hải An nói riêng ngày càng phát triển về số lượng và quy mô cũng ngày càng lớn mạnh.

Hiện nay, vận tải vẫn là phương tiện chủ chốt và chính yếu của thương mại thế giới, do đó có thể thấy được tương lai phát triển tất yếu của ngành vận tải trong những năm tiếp theo. Thực tế, đã có nhiều doanh nghiệp vận tải hoạt động mạnh mẽ trở lại, thậm chí đã có rất nhiều doanh nghiệp vận tải mới đã được thành lập. Tính đến thời điểm 31/12/2020 trên địa bàn quận Ngô Quyền và Hải An đã có 1.568 doanh nghiệp và tổ chức các nhân kinh doanh trong lĩnh vực vận tải. Với sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô hoạt động mà đóng góp của các doanh nghiệp vận tải vào tổng thu ngân sách chiếm khoảng 30% và tăng lên rõ rệt qua các năm, điều đó cho thấy các doanh nghiệp vận tải vẫn sản xuất kinh doanh hiệu quả và ngày càng có vị trí quan

trọng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, việc quản lý thu thuế nhất đối với các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói chung và trên địa bàn quận Ngô Quyền, quận Hải An còn gặp nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy trong năm qua số lượng doanh nghiệp mới xuất hiện nhiều song số lượng doanh nghiệp không thực sự hoạt động cũng lớn, nhiều doanh nghiệp còn tránh, trốn, gian lận, nợ đọng, chậm nộp tiền thuế.... làm ảnh hưởng đến công tác thu Ngân sách Nhà nước. Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền-Hải An, thành phố Hải Phòng cũng không nằm ngoài tình hình chung đó.

Vì vậy có thể nói, công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận là vô cùng cần thiết. Là một người công tác trong ngành thuế, qua quá trình nghiên cứu thực tế công việc, nhằm vận dụng những vấn đề lý luận được học vào thực tiễn nên tôi xin chọn đề tài luận văn là: ***“Đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An, thành phố Hải Phòng - đề xuất biện pháp”***.

2. Tổng quan nghiên cứu

Qua tham khảo và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến công tác quản lý hành chính công, công tác quản lý và xây dựng các sắc thuế, công tác quản lý và chống gian lận thuế đối với các doanh nghiệp, tác giả thấy rằng ác công trình nghiên cứu được thực hiện ở những giai đoạn và môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị và thể chế cụ thể mà các công trình nghiên cứu thực hiện. Từ nhận thức không thể có sự đồng nhất về môi trường và hoàn cảnh lịch sử ở những quốc gia khác nhau, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau. Bên cạnh đó tồn tại sự khác nhau về nền tảng chính trị, văn hóa, kinh tế, trình độ giáo dục nên tác giả cho rằng nghiên cứu về thuế, về công tác chống thất thu thuế ở một quốc gia cụ thể, một loại hình doanh nghiệp cụ thể, trong một giai đoạn cụ thể là cần thiết để phục vụ hoàn thiện chính sách thuế cũng như việc quản lý thuế phù hợp với đặc trưng của từng quốc gia, theo từng loại hình doanh

nghiệp và theo từng thời kỳ. Những vấn đề lý luận về thuế và công tác chống thất thu thuế cần được phát triển bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn. Do vậy, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể và có kết quả thiết thực hơn.

Có một số công trình khoa học của các nhà khoa học, nhà quản lý, nghiên cứu sinh và học viên cao học nghiên cứu có liên quan với vấn đề thực trạng gian lận, chống gian lận và chống thất thu thuế trong doanh nghiệp, với nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau. Bên cạnh những kết quả đạt được, các công trình khoa học đó cũng vẫn có những nội dung liên quan liên quan đến quản lý thuế hay chính sách thuế nhưng chưa được đề cập, đặc biệt chưa có công trình nào phân tích về thực trạng thất thu thuế thu nhập và công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và Hải An.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về thuế và chống thất thu thuế nói chung và chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải nói riêng.

Đánh giá thực trạng về quy trình quản lý thuế để chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An.

Tìm ra những tồn tại, nguyên nhân thất thu thuế trong công tác quản lý hiện nay từ đó đề xuất biện pháp thu để thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời vào Ngân sách Nhà nước của chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thì cần phải trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Thực trạng tình hình quản lý công tác thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải như thế nào? Làm thế nào để thu đúng thu đủ thuế đối với các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp vận tải?

- Năng lực trình độ chuyên môn của cán bộ thuế phải được nâng cao ra sao để chống gian lận thuế của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh vận tải nói riêng?

- Làm thế nào để hạn chế tình trạng trốn thuế trong các doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An?

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu đề tài:

Đề tài nghiên cứu về thực trạng các khoản thu đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải bao gồm: Lệ phí môn bài, Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TNCN và Thuế tiêu thụ đặc biệt. Thực trạng công tác quản lý công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền-Hải An.

Trong khuôn khổ nghiên cứu của đề tài chỉ nghiên cứu tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải gọi tắt là “doanh nghiệp vận tải”.

Phạm vi về thời gian: Các số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài được tác giả thu thập từ năm 2016 đến năm 2020.

Phạm vi về không gian: Nghiên cứu tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An - TP Hải Phòng.

6. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thập tài liệu, số liệu sơ cấp:*

Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu đã có sẵn, không phải do mình thu thập, đã công bố nên dễ thu thập, ít tốn thời gian, tiền bạc trong quá trình thu thập

nhưng là loại tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu tiếp thị cũng như các ngành khoa học xã hội khác. Để nghiên cứu thực trạng công tác chống thất thu thuế tại các doanh nghiệp trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An, chúng tôi sẽ tiến hành thu thập số liệu, tài liệu từ các nguồn thứ cấp như: sách, báo chí, cục Hải quan, bộ tài chính, tổng cục thuế, cục thuế thành phố Hải Phòng, chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An... Các tài liệu chúng tôi tiến hành sưu tầm, thu thập đều được tìm kiếm trên mạng internet, trong sách, báo, tạp chí, tài liệu là báo cáo của Cục hải quan thành phố, cục thuế thành phố, chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền - Hải An. Sau đó sẽ so sánh, phân tích và đưa ra những nhận định dựa vào cơ sở lý thuyết của việc chống thất thu thuế để thấy được thực trạng thu thuế của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải tại địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An. Các số liệu thống kê qua các báo cáo sơ kết, tổng kết kế hoạch công tác thu tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An từ năm 2016 đến năm 2020.

- *Phương pháp chuyên gia:* Theo chúng tôi, phương pháp chuyên gia rất cần thiết cho người nghiên cứu không chỉ trong quá trình nghiên cứu mà còn cả trong quá trình nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu, hoặc thậm chí cả trong quá trình đề xuất giả thuyết nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, củng cố các luận cứ. Vì vậy, đây là phương pháp sử dụng trí tuệ tư duy, khai thác ý kiến đánh giá của các chuyên viên tài chính thuế vụ, các thầy cô và các doanh nghiệp để xem xét, nhận định về công tác chống thất thu thuế hiện nay.

- *Phương pháp quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, xử lý thông tin:* Thông tin thu thập được chúng tôi sẽ tiến hành phân tích, đánh giá so sánh theo trình tự thời gian và so sánh đánh giá về thực trạng thu thuế và chống gian lận thuế của các doanh nghiệp giữa lý luận và thực tiễn. Từ đó chúng tôi tổng hợp, liên kết, sắp xếp các tài liệu, thông tin, số liệu đã thu thập được để tạo ra một hệ thống lý thuyết và thực tiễn đầy đủ, sâu sắc về tình hình chống

thất thu thuế của các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An.

7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về thuế và quản lý thuế đối với doanh nghiệp vận tải.

Phân tích đánh giá thực trạng quản lý các khoản thu đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.

Chỉ ra thực trạng, những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải.

Đề xuất quan điểm, biện pháp chủ yếu nhằm tiếp tục tăng cường quản lý các khoản thu, chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.

CHƯƠNG 1.

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ VÀ CHỐNG THÁT THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI

1.1 Tổng quan về doanh nghiệp vận tải

1.1.1. *Khái niệm doanh nghiệp*

“Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế, có tài sản và tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được cấp giấy đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường” (Mục 7 điều 1, chương 1 Luật doanh nghiệp năm 2014).

1.1.2. *Đặc điểm doanh nghiệp vận tải*

Giao thông vận tải không hề xa lạ với chúng ta, có thể nói đây là một ngành không thể thiếu được trong cuộc sống của con người. Đây là một ngành sản xuất về vật chất vô cùng đặc biệt, nó trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng trong khi đang thực hiện chức năng giao thông vận tải của mình. Ngành giao thông vận tải phải mang trên mình một nhiệm vụ quan trọng chính là giữ huyết mạch giao thông không thuận lợi thì hàng hóa cũng khó lưu thông và trao đổi được. Hiện nay giao thông vận tải có các loại hình giao thông cơ bản như: Vận tải bằng đường bộ; Vận tải bằng đường sắt, vận tải bằng đường hàng không; Vận tải bằng đường biển; Vận tải bằng đường ống (vận tải bằng loại hình này chỉ dành cho dầu khí hoặc nhiên liệu).

- Trong xu thế hội nhập và phát triển, nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách giữa các vùng, các khu vực và trên toàn thế giới tăng nhanh, và khi dịch vụ vận tải phát triển sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, nâng cao khả năng tiêu thị các sản phẩm xã hội bằng cách đưa sản phẩm nơi này đến nơi khác, đáp ứng nhu cầu đi lại, tham quan, du lịch của mọi tầng lớp dân cư. Chính vì thế số lượng doanh nghiệp tăng nhanh qua các năm, tỷ trọng doanh nghiệp hoạt động vận tải trên địa bàn Hải Phòng chiếm trên 50% trong tổng số các

doanh nghiệp đang hoạt động, ngày càng khẳng định vị trí của mình, nhiều thương hiệu đã có chỗ đứng vững chắc ở thị trường trong nước và quốc tế.

- Đặc biệt, dịch COVID-19 khởi nguồn từ Vũ Hán - Trung Quốc đã và đang bùng phát trên 100 quốc gia, vùng lãnh thổ, làm hơn 300 nghìn người nhiễm bệnh và làm chết trên 3.500 người và sẽ còn để lại tác động đa diện về kinh tế - xã hội, không chỉ có Trung quốc, mà còn cả thế giới, trong đó có Việt Nam. Đồng thời, đây còn là phép thử lớn đối với năng lực phản ứng chính sách và phản ứng thị trường trước dịch bệnh toàn cầu của hệ thống chính trị và doanh nghiệp cả nước. Cùng với đó thì các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thường có quy mô nhỏ và vừa. Theo số liệu thống kê, có tới gần 99% các doanh nghiệp là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong huy động vốn và các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời, với quy mô nhỏ và vừa, các doanh nghiệp ít chú trọng đến hoạt động quản trị doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn. Theo đó, có thể bỏ lỡ cơ hội kinh doanh, cũng như nảy sinh tâm lý “ăn xổi” của các doanh nghiệp. Qua những khó khăn về dịch bệnh lây lan giữa các tỉnh thành phố trong nước và các quốc gia trên thế giới thì các doanh nghiệp vận tải phải đối đầu với không ít phải khó khăn, do không được thông thương qua các vùng có dịch. Chính vì lý do đó trong năm 2019 và năm 2020 vừa qua doanh thu đối với các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải đều giảm mạnh, nên số thuế thu nhập NSNN cũng bị giảm sút.

1.1.3. Vai trò của doanh nghiệp vận tải

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đem lại số thu ngân sách Nhà nước ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Vì vận tải là mạch máu của nền kinh tế, vận tải giúp nối liền các ngành, các đơn vị sản xuất với nhau, nối liền khu vực sản xuất với khu vực tiêu dùng, nối liền thành thị với nông thôn, miền ngược với miền xuôi. Góp phần làm cho nền kinh tế trở thành một khối thống nhất. Trong những năm gần đây doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải tăng về số lượng, sự đa dạng hóa về phương tiện, lĩnh vực kinh doanh góp phần

đáng kể thúc đẩy lưu thông hàng hóa. Đã xuất hiện nhiều cơ sở kinh doanh hoạt động hiệu quả, sản phẩm ngày càng đa dạng, phong phú, được khách hàng trong và ngoài nước tin tưởng. Theo Bộ Thương mại, các doanh nghiệp hoạt động vận tải đóng góp gần một nửa số thu NSNN của cả nước. Doanh nghiệp hoạt động vận tải càng phát triển, sự đóng góp cho NSNN càng lớn.

- Doanh nghiệp vận tải giữ vai trò lớn trong việc ổn định kinh tế, giải quyết công ăn việc làm ổn định, nguồn thu nhập cho hàng triệu lao động. Từ đó góp phần giải quyết vấn đề việc làm của Nhà nước, giảm tỷ lệ thất nghiệp từ đó hạn chế tệ nạn xã hội. Vận tải đóng vai trò trọng yếu của quá trình phân phối và lưu thông, góp phần giúp các hoạt động sản xuất, kinh doanh, mua bán diễn ra nhanh chóng và liên tục.

- Như vậy nếu không có vận tải thì cuộc sống văn minh hiện đại sẽ gần như không còn nữa, vì không thể đưa nguyên nhiên vật liệu, sản phẩm, con người không đi xa được. Thu nhập và đời sống sẽ ảnh hưởng, cuộc sống có thể sẽ không được tiếp xúc với thế giới phát triển. Vì vậy các doanh nghiệp vận tải đang có vị trí rất quan trọng trong công cuộc đổi mới và phát triển Đất Nước.

1.2. Tổng quan về thuế

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm

*** Khái niệm:**

Thuế vừa là phạm trù kinh tế, vừa là phạm trù lịch sử. Lịch sử chứng minh rằng thuế ra đời là một tất yếu khách quan, gắn với sự hình thành và phát triển của Nhà nước. Để duy trì sự tồn tại đồng thời với việc thực hiện các chức năng của mình, nhà nước cần có nguồn vật chất để thực hiện những chi tiêu có tính chất xã hội. Bằng quyền lực chính trị, nhà nước thu một bộ phận của cải xã hội để có được nguồn vật chất đó. Từ đây có khái niệm chung cho thuế: “Thuế là một khoản nộp ngân sách Nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế” [Khoản 1, Điều 3 Luật QLT 38/2019/QH14].

*** Đặc điểm:**

Trên phương diện điều chỉnh Pháp luật, việc nghiên cứu đặc tính của thuế một mặt giúp nhà làm luật lựa chọn sự điều chỉnh pháp luật một cách phù hợp đối với thuế. Mặt khác giúp cho các đối tượng có liên quan thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ của mình.

- Thứ nhất: Thuế là khoản thu nộp bắt buộc vào ngân sách. Tính bắt buộc thể hiện ở chỗ, đối với Người nộp thuế, đây là nghĩa vụ chuyển giao tài sản của họ cho nhà nước khi có đủ điều kiện mà không có phải là quan hệ thanh toán dù trong hợp đồng hay ngoài hợp đồng. Đối với các Cơ quan Thuế, khi thay mặt Nhà nước thực hiện các hành vi nhất định cũng không được phép lựa chọn thực hiện hay không thực hiện hành vi thu thuế, có sự phân biệt đối xử đối với người nộp thuế. Tính bắt buộc của thuế có mối quan hệ mật thiết với tính không hoàn trả, do thuế không có tính hoàn trả. Vì vậy để thực hiện thu thuế ổn định, phải sử dụng biện pháp bắt buộc như là một thuộc tính cơ bản của thuế.

- Thứ hai: Thuế gắn với yếu tố quyền lực. Tính quyền lực của thuế được xuất phát bởi lý do xuất hiện các khoản thu về thuế của Nhà nước. Bằng quyền lực chính trị, Nhà nước tạo ra cho thuế tính cố định, sự tuân thủ của đối tượng nộp thuế, tính cố định, sự tuân thủ của đối tượng nộp thuế, thuế suất...được quy định trước và mang tính ổn định trong một khoảng thời gian nhất định. Chỉ gắn với yếu tố quyền lực, thuế mới đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tạo nguồn thu nhập tài chính cho Nhà nước. Điều đó cũng gián tiếp đảm bảo tính ổn định nguồn thu nhập tài chính của Nhà nước và đảm bảo tính ổn định của thuế.

- Thứ ba: Thuế không mang tính đổi giá, không hoàn trả trực tiếp. Thuế không phải là khoản phải trả khi các đối tượng nộp thuế đã nhận được một lợi ích hay quyền lợi cụ thể nào từ phía Nhà nước. Điều này cho phép phân biệt thuế với các khoản thu nộp do đối tượng nộp chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình đã nhận được một lợi ích nhất định từ phía Nhà nước. Đó là các khoản thu từ phí, lệ phí. Thuế xuất hiện do nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, của các chủ thể quản lý xã hội. Kết quả của việc sử dụng chủ thể quản lý xã hội. Tuy vậy kết quả những sản

phần do Nhà nước sử dụng các khoản thu từ thuế lại được thụ hưởng bởi chính những đối tượng nộp thuế, đó là sự yên bình xã hội, sự phát triển và thịnh vượng, chế độ phúc lợi công cộng...Nói khác đi, người nộp thuế được hoàn trả một cách gián tiếp những tiền nộp cho Nhà nước.

1.2.2. Các sắc thuế

1.2.2.1. Lệ phí môn bài

a) Khái niệm

“Lệ phí môn bài là một khoản thu được tính và thu vào đầu năm đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh”.

b) Hệ thống văn pháp luật quy định

- Nghị định số 139/2016/NĐ – CP ngày 04/10/2016 của chính phủ quy định về lệ phí môn bài;

- Nghị định số 22/2020/NĐ – CP ngày 24/02/2020 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ – CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;

- Thông tư 302/2016/TT – BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí Môn bài.

- Thông tư 65/2020/TT – BTC ngày 09/7/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 302/2016/TT – BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí Môn bài.

c) Đối tượng nộp thuế

“Người nộp lệ phí môn bài là tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức được thành lập theo luật Hợp tác xã.
- Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

- Tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức nêu trên (nếu có).

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh. [Điều 2 Nghị định 139/2016/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 1 Thông tư 65/2020/TT-BTC].

d) Mức thu lệ phí môn bài

Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ như sau:

- Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm;

- Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm;

- Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm.

Căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức là vốn điều lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp không có vốn điều lệ thì căn cứ vào vốn đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh mới thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số doanh nghiệp trong thời gian của 6 tháng đầu năm thì nộp lệ phí môn bài cả năm, nếu thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số thuế, mã số doanh nghiệp trong thời gian 6 tháng cuối năm thì nộp 50 % mức lệ phí môn bài cả năm.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh nhưng không kê khai lệ phí môn bài thì phải nộp theo mức lệ phí môn bài cả năm, không phân biệt thời điểm phát hiện là 6 tháng đầu năm hay 6 tháng cuối năm.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh có thông báo gửi cơ quan thuế về việc tạm ngừng kinh doanh cả năm dương lịch thì không phải nộp lệ phí môn bài của năm tạm ngừng kinh doanh. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh không trọn năm dương lịch thì vẫn phải nộp lệ phí môn bài cả năm.” (Khoản 1 Điều 4 Thông tư 302/2016/TT-BTC).

- Miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) đối với tổ chức thành lập mới (được cấp mã số doanh nghiệp mới). (Khoản 1 Điều 1 NĐ số 22/2020/NĐ-CP).

e) Hạn nộp tiền thuế môn bài

- Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp) khi kết thúc thời gian được miễn lệ phí môn bài (năm thứ tư kể từ năm thành lập doanh nghiệp) thời hạn nộp như sau:

+ Nếu kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong 6 tháng đầu năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30/7 năm kết thúc thời gian miễn.

+ Nếu kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong 6 tháng cuối năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30/01 năm liền kề năm kết thúc thời gian miễn. [Khoản 9 Điều 18 NĐ số 126/2020/NĐ-CP].

1.2.2.2. Thuế giá trị gia tăng

a) Khái niệm

“ Thuế Giá trị gia tăng là thuế đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được thu ở khâu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.” [Điều 2 Chương 1 Luật số 13/2008/QH12].

b) Hệ thống văn pháp luật quy định

- Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

- Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số của điều của các Luật về thuế.

- Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

- Luật thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016

- Nghị định số 92/2013/NĐ – CP ngày 13/08/2013; Nghị định số 209/2013/NĐ – CP ngày 18/12/2013; Nghị định 91/2014/NĐ – CP ngày 01/10/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ – CP ngày 12/12/2015; Nghị định số 100/2016/NĐ – CP ngày 01/07/2016.

- Thông tư số 219/2013/NĐ – CP ngày 31/12/2013; Thông tư số 119/2014/TT – BTC ngày 25/08/2014; Thông tư 151/2014/TT – BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 26/2015/TT – BTC ngày 27/02/2015; Thông tư số 92/2015/T – BTC ngày 15/06/2015; Thông tư số 193/2015/TT – BTC ngày 24/11/2015; Thông tư số 130/2016/TT – BTC ngày 12/08/2016; Thông tư số 173/2016/TT – BTC ngày 28/10/2016.

c) Đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng.

Là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành.

d) Đối tượng không chịu thuế GTGT

Theo quy định hiện hành có 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT. Các nhóm hàng hóa, dịch vụ này có thể xếp theo tính chất và mục đích kinh tế - xã hội sau đây:

- Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

- Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, cành giống, củ giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền ở các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại. Sản phẩm giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là sản phẩm do các cơ sở nhập khẩu, kinh doanh thương mại có giấy đăng ký kinh doanh giống vật nuôi, giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước cấp. Đối với sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc loại Nhà nước ban hành tiêu chuẩn, chất lượng phải đáp ứng các điều kiện do nhà nước quy định.

- Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).

- Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.

- Chuyển quyền sử dụng đất.

- Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm.

- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:

- Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi, dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch, dịch vụ điều dưỡng sức khỏe, phục hồi chức năng cho người bệnh, vận chuyển người bệnh, dịch vụ cho thuê phòng bệnh, giường bệnh của các cơ sở y tế; xét nghiệm, chiếu, chụp, máu và chế phẩm máu dùng cho người bệnh.

Trường hợp trong gói dịch vụ chữa bệnh (theo quy định của Bộ Y tế) bao gồm cả sử dụng thuốc chữa bệnh thì khoản thu từ tiền thuốc chữa bệnh nằm trong gói dịch vụ chữa bệnh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ; Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến).

- Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại khoản này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả. Cụ thể:

- Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình.

Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì toàn bộ giá trị công trình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Đối tượng chính sách xã hội bao gồm: người có công theo quy định của pháp luật về người có công; đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.

- Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật,

sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kê cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.

- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện là vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện theo các tuyến trong nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Hàng hoá thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu trong các trường hợp sau:

- Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Hàng nhập khẩu và hàng hoá, dịch vụ bán cho các tổ chức, cá nhân để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài.

Hàng hoá, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập và được hưởng các ưu đãi về thuế như khu phi thuế quan theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá giữa các khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Hồ sơ, thủ tục để xác định và xử lý không thu thuế GTGT trong các trường hợp này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường

hợp hợp đồng chuyên giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyên giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyên giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyên giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.

- Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

- Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, bao gồm cả sản phẩm là bộ phận cấy ghép lâu dài trong cơ thể người; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác dùng cho người tàn tật.

- Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.

- Các hàng hóa, dịch vụ sau:

+ Hàng hoá bán miễn thuế ở các cửa hàng bán hàng miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra.

+ Các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước theo pháp luật về phí và lệ phí.

+ Rà phá bom mìn, vật nổ do các đơn vị quốc phòng thực hiện đối với các công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Hàng hóa thuộc diện không chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định tại Điều này nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải

quan. Tổ chức, cá nhân bán hàng hoá ra thị trường nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định. [Điều 4, Chương 1, Thông tư 219/2013/TT- BTC].

e) Căn cứ tính thuế

- Giá tính thuế
- Thuế suất.

f) Phương pháp tính thuế

- Phương pháp khấu trừ.

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

- Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng nhân với thuế xuất thuế giá trị gia tăng.

1.2.2.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Khái niệm

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

b) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.
- Luật số 32/2012/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN.
- Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế.
- Nghị định 91/2014/NĐ – CP ngày 01/10/2014; Nghị định 12/2015/NĐ – CP ngày 12/02/2015;
- Thông tư số 78/2014/TT – BTC ngày 18/06/2014; Thông tư số 119/2014/TT – BTC ngày 25/08/2014; Thông tư số 151/2014/TT – BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 151/2014/TT – BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 96/2015/TT – BTC ngày 22/06/2015; Thông tư số 212/2015/TT – BTC ngày

13/12/2015; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT – BKHCN – BTC ngày 28/06/2016; Thông tư số 83/2016/TT – BTC ngày 17/06/2016; Thông tư số 130/2016/TT – BTC ngày 12/08/2016.

c) Căn cứ tính thuế

- Thu nhập tính thuế
- Thuế suất.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH và CN (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.2.2.4. Thuế thu nhập cá nhân

a) Khái niệm

“ Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập nhận được của cá nhân trong một kỳ tính thuế nhất định.” [1, tr.338]

b) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

- Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014
- Nghị định số 65/2013/NĐ – CP ngày 27/06/2013; Nghị định số 12/2015/NĐ – CP ngày 12/02/2015;
- Thông tư 111/2013/TT – BTC ngày 15/08/2013; Thông tư 92/2015/TT – BTC ngày 15/06/2015;

c) Thu nhập chịu thuế Thu nhập cá nhân.

Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành quy định thu nhập chịu thuế gồm 10 loại thu nhập. Mỗi loại thu nhập có phương pháp xác định thu nhập tính thuế và áp dụng thuế suất theo biểu thuế phù hợp. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn tác giả tập trung nghiên cứu phần thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng số tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà người lao động

nhận được từ người sử dụng lao động dưới hình thức bằng tiền và không bằng tiền. Bên cạnh đó, thu nhập từ tiền lương tiền công còn bao gồm các khoản thu lao, khoản trợ cấp, tiền thưởng và các khoản lợi ích khác.

c) Căn cứ tính thuế

- Thu nhập tính thuế
- Thuế suất.

1.2.3. Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp vận tải

1.2.3.1. Khái niệm quản lý thuế

Quản lý thuế là tất cả hoạt động của Nhà nước có liên quan đến thuế bao gồm hoạt động tổ chức, điều hành quá trình thu nộp thuế vào NSNN, xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thuế, ban hành pháp luật thuế và kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế.

1.2.3.2. Mục tiêu quản lý thuế

- Quản lý nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước bằng pháp luật thông qua việc quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và của tổ chức cá nhân có liên quan trong việc quản lý thuế.

- Đảm bảo tính công bằng, hiệu quả trong quản lý thu thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

1.2.3.3. Nguyên tắc quản lý thuế đối với doanh nghiệp

Quản lý thuế phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước. Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế.

- Đảm bảo quản lý chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh.
- Đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp.
- Tăng cường huy động nguồn lực từ kinh doanh vào Ngân sách Nhà nước, tránh thất thu ngân sách Nhà nước.

Căn cứ tình hình thực tế để có cơ sở đánh giá về chính sách thuế áp dụng, chính sách về hóa đơn, việc nộp ngân sách nhà nước để có giải pháp đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách thuế, quản lý thuế đối với hoạt động vận tải phù hợp với việc phát triển công nghệ 4.0. Để thực hiện được những giải pháp nêu trên thì cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải. Để có cơ sở xác định chính xác doanh thu của hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã thì cần thiết phải có dữ liệu từ thiết bị in hóa đơn kết nối đồng hồ tính tiền trên xe, thiết bị giám sát hành trình. Nội dung quy định này được Bộ Tài chính đưa vào dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. “Các Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để: Chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của ngành với Bộ Tài chính phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử”.

1.2.3.4. Phương thức quản lý thuế đối với doanh nghiệp vận tải

Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản thuế số 21/2012/QH13; Luật số 71/2014/QH13; Luật số 106/2016/QH13, đã thiết lập khung pháp lý chung, áp dụng thống nhất trong quá trình thực thi tất cả các chính sách thuế, nhất quán trong cách thức quản lý giữa các loại thuế; là cơ sở để cơ quan thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế.

Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đã thay đổi căn bản phương thức quản lý thuế. Với sự ra đời của luật quản lý thuế, ngành thuế chuyển từ phương thức “chuyên quản” sang phương thức quản lý thuế tiên tiến, hiện đại “tự khai, tự nộp thuế”. Theo phương thức này, người nộp thuế căn cứ các quy định của pháp luật thuế để xác định các loại thuế phải nộp; tự kê khai; tự tính thuế; tự nộp thuế đã tính vào ngân sách Nhà nước, tự chịu trách nhiệm về các số liệu kê khai. Cơ quan thuế tập trung nguồn lực

tuyên truyền, hướng dẫn kịp thời, đầy đủ chính sách thuế và thủ tục về thuế để người nộp thuế hiểu rõ, tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của mình, đồng thời cơ quan thuế tăng cường công tác hậu kiểm (thanh tra, kiểm tra) nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, đảm bảo công bằng cho những người nộp thuế chấp hành tốt các quy định về pháp luật thuế.

Cơ quan thuế giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế trên cơ chế quản lý rủi ro. Cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế vận hành dựa trên cơ sở thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, xây dựng các bộ tiêu chí quản lý thuế, phân tích, đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế dựa trên kết quả phân tích rủi ro. Cơ quan Thuế tăng cường kiểm tra, giám sát các trường hợp rủi ro cao nhằm nâng cáo tính hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế”.

1.3. Lý luận chung về thất thu thuế và chống thất thu thuế trong doanh nghiệp vận tải

1.3.1. Khái niệm thất thu thuế và chống thất thu thuế

- Khái niệm: Thất thu thuế là hiện tượng trong đó những khoản tiền từ các cá nhân, tổ chức có tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh hay có những điều kiện cơ sở vật chất nhất định so với khả năng của họ cần phải đóng viên vào Ngân sách Nhà nước, song vì những lý do xuất phát từ phía Nhà nước hay người nộp thuế mà những khoản tiền đó không được nộp vào ngân sách nhà nước. Thất thu thuế có hai hình thức đó là: Thất thu thực và thất thu tiềm năng.

+ Thất thu thuế thực: Được hiểu là những khoản tiền phải thu vào ngân sách nhà nước đã được quy định trong luật nhưng thực tế vì lý do nào đó không được nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Thất thu thuế tiềm năng: Được hiểu là những khoản tiền thuộc khả năng tiềm tàng trong nền kinh tế đáng lẽ phải được khai thác đóng viên vào ngân sách nhà nước nhưng không được quy định trong các luật thuế.

- Khái niệm chống thất thu thuế: Chống thất thu thuế được hiểu là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các chủ thể và các hành vi gây ra thất thu thuế nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng thất thu thuế.

1.3.2. Các dạng thất thu thuế và nguyên nhân của thất thu thuế

1.3.2.1. Các dạng biểu hiện của thất thu thuế:

Các dạng thất thu thuế được phân loại tương đối theo biểu hiện bên ngoài của nó, có thể khái quát cơ bản các dạng thất thu thuế như sau:

- Thất thu thuế do không bao quát hết số cơ sở sản xuất, kinh doanh, không đăng ký mã số thuế nhưng vẫn tiến hành sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra cũng có thể do các cơ sở ngày tạm ngừng kinh doanh nhưng thực tế vẫn tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nhiều đối tượng cố tình kê khai không đúng số thuế đáng lẽ phải nộp theo quy định của pháp luật cũng như các hộ kinh doanh nộp thuế theo kê khai thấp hơn nhiều so với thực tế phải nộp bằng cách khai tăng chi phí giảm doanh thu thậm chí khai sai thuế suất.

- Trốn thuế thông qua buôn lậu, nhất là buôn bán qua biên giới không những không giảm mà có chiều hướng ngày càng tăng và phức tạp hơn trước.

- Thất thu từ hoạt động xây dựng, du lịch, lễ hành, vận tải tư nhân, cho thuê nhà nghỉ còn lớn do nhà nước chưa có biện pháp quản lý các hoạt động này có hiệu quả. Vì vậy các cá nhân, các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp thường không khai báo, không đăng ký nộp thuế nhằm trốn, tránh nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

- Thất thoát do không bao quát hết thu nhập của người nộp thuế cũng như số lượng người phải nộp thuế TNCN vì số lượng các cá nhân hành nghề tự do còn lớn, chưa có biện pháp quản lý hiệu quả thu nhập của họ. Hiện nay thu nhập của người lao động nước ta có nhiều nguồn thu khác nhau và thường lớn hơn nhiều so với quỹ lương nhưng nhà nước mới quản lý được phần thu nhập thông qua quỹ lương mà các cơ quan, đơn vị chi trả, còn những khoản thu nhập từ nguồn khác thì chưa có

biện pháp quản lý hiệu quả, ví dụ như tình trạng bán vé cầu đường diễn ra rất tấp nập mà nhà nước chưa có biện pháp quản lý.

- Vì lợi ích cá nhân cán bộ thuế móc ngoặc với người nộp thuế để làm giảm số thuế phải nộp ngân sách nhà nước để chia chác.

1.3.2.2. Nguyên nhân của thất thu thuế

Tình trạng thất thu thuế nói trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Xuất phát từ người nộp thuế: Trong lịch sử phát triển của xã hội Nhà nước ra đời là tất yếu khách quan trong xã hội có giai cấp. Để có thể đảm bảo quyền lợi của giai cấp thống trị, nhà nước cần có nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của mình. Nguồn này được lấy bằng cách động viên một phần thu nhập của các tầng lớp trong xã hội. Với quyền lực của mình nhà nước đặt ra các loại thuế buộc mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội phải tuân theo. Nhu cầu chi tiêu của nhà nước càng nhiều thì mức động viên của thuế càng cao. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường mục tiêu hóa của các nhà kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận, do vậy họ luôn tìm cách để tăng doanh thu, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, mà thuế cũng là một khoản chi mà họ phải nộp cho nhà nước nên sẽ làm giảm lợi nhuận mà họ thu được. Do đó vì lợi ích của mình họ luôn tìm cách làm giảm số thuế đáng lẽ phải nộp mà trốn được thuế không phải nộp thì càng tốt. Như vậy trong thuế luôn tồn tại mâu thuẫn giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của người kinh doanh, vì lẽ đó tình trạng thất thu thuế là điều không thể tránh khỏi.

- Nguyên nhân từ Cơ quan thuế: Một phần do trình độ quản lý còn non yếu, bộ máy tổ chức kém hiệu quả, hay có thể do trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý chưa cao hoặc có thể do chính sách thuế thay đổi liên tục, diễn giải không rõ ràng, còn có những thiếu sót, sơ hở dẫn đến việc hiểu sai luật thuế do đó sẽ dẫn đến thực hiện sai.

Thêm nữa một cán bộ thuế phải quản lý một số lượng lớn doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế nên không thể phát hiện ra những gian lận, sai sót trong hóa đơn, chứng từ sổ sách và số lượng chủ thể do vậy người nộp thuế có thể trốn thuế.

- Các cơ quan nhà nước chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thuế. Chính quyền các cấp chưa tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế làm việc. Hệ thống cơ sở pháp lý như Luật, các Nghị định, Thông tư ban hành hướng dẫn còn bất cập, thiếu rõ ràng và chồng chéo.

- Thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế đã được cải thiện nhiều song vẫn còn nhiều phiền hà, gây khó khăn cho người nộp thuế. Nhiều quy trình quản lý thuế chưa được rà soát, xem xét sửa đổi do vậy gây tâm lý sợ đến Cơ quan thuế của người nộp thuế.

- Hiện tượng tiêu cực của một số ít cán bộ cũng có tác động không nhỏ dẫn tới việc thất thu thuế ở một số địa phương.

1.3.3 Sự cần thiết phải chống thất thu thuế và các biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải

- Chống thất thu thuế rất cần thiết do thuế có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước. Thuế phát huy vai trò trong việc điều tiết nền kinh tế, hơn thế nữa nộp thuế còn góp phần giáo dục ý thức trách nhiệm của công dân đối với các chính sách của đảng và Nhà nước, nâng cao tính cộng đồng trong việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Thuế còn góp phần tích cực trong việc tạo môi trường kinh doanh, pháp lý và sự bình đẳng của các chủ thể kinh doanh. Từ những vai trò quan trọng trên của thuế mà nhà nước phải thực hiện tốt công tác quản lý thu thuế để góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước. Hệ thống chính sách thuế và công tác quản lý thu thuế hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập, chưa theo kịp được xu hướng phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới. Tình trạng lợi dụng kẽ hở để lách luật, trốn thuế, chiếm dụng tiền hoàn thuế đã và đang diễn ra khá phổ biến, với xu thế ngày càng gia tăng, gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó hệ thống chính sách còn có sự phân biệt đối xử giữa các ngành nghề, các thành phần kinh tế dẫn đến tình trạng kìm hãm sản xuất, ảnh hưởng đến mục tiêu nuôi dưỡng nguồn thu. Mặt khác việc chấp hành các chính sách thuế của các đối tượng nộp thuế còn chưa tự giác, nhận thức về thuế còn chưa toàn diện, họ luôn tìm cách trốn thuế.

Từ những vai trò quan trọng của thuế đối với nhà nước, nên công tác quản lý thuế hiện nay là vấn đề quan trọng trong việc thu ngân sách nhà nước. Với địa bàn quận Ngô Quyền- Hải An thì ngành nghề phát triển là ngành vận tải, với số lượng lớn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải nên số thuế thu từ ngành nghề này là khá lớn. Vì thế tìm ra các biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải là việc cần thiết để tăng thu ngân sách, thu đúng thu đủ để tạo nên môi trường kinh doanh lành mạnh hơn.

1.3.4. Quy trình quản lý chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải

Công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải được thực hiện qua các bước sau

Bước 1: Lập kế hoạch

Việc lập kế hoạch cho việc quản lý thu thuế nói chung và quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải là hết sức cần thiết. Việc lập kế hoạch phải trên cơ sở rà soát lại một cách tổng thể từ các nguồn thu trên địa bàn, các khoản nợ thuế, đối tượng nộp thuế, phân tích các chỉ tiêu thuế của người nộp thuế, số liệu thuế ước tính và lộ trình thực hiện kế hoạch của các doanh nghiệp vận tải.

Bản chất của Lập kế hoạch thuế là quá trình tìm kiếm các giải pháp về thuế khác nhau để xác định khi nào, như thế nào và liệu có nên thực hiện một số giao dịch để tối ưu hoá số thuế phải nộp.

Chiến lược thuế được dựa trên cơ sở vận dụng (1) giá trị thời gian của tiền tức là việc đóng thuế sớm hay muộn và (2) chênh lệch giá trị tính thuế tức là thu nhập chịu thuế nhiều hay ít và (3) chênh lệch thuế suất do yếu tố thuế suất các loại hình kinh doanh khác nhau, thuế suất tại các nước khác nhau là khác nhau. Có bốn phương thức thường được vận dụng trong lập kế hoạch thuế (1) tạo mới (2) chuyển đổi (3) thời gian (4) chia tách.

Trên cơ sở thực hiện tốt các biện pháp:

Tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật về thuế.

Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan có liên quan: Lĩnh vực vận tải là một trong những lĩnh vực có ngành nghề rất rộng, liên quan đến nhiều tổ chức, cơ quan có liên quan. Tình trạng thất thu thuế xảy ra ở mọi lúc, mọi nơi. Cơ quan thuế là cơ quan tổ chức thu thuế, là nòng cốt trong công tác chống thất thu thuế, tuy nhiên để cho công tác chống thất thu thuế có hiệu quả cao thì cần phải có sự phối hợp của các cấp, các ngành có liên quan, đặc biệt là Hải quan đối với lĩnh vực vận tải biển.

Hình thành và tạo điều kiện cho loại hình dịch vụ làm thủ tục thuế phát triển: Chính sách thuế hiện nay thường xuyên thay đổi, có nhiều quy định doanh nghiệp chưa kịp bắt nhịp đã sửa đổi, bổ sung nên việc tiếp cận, áp dụng đúng quy định gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp vận tải biển chưa ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử nên chưa tiếp cận được với phần mềm hỗ trợ khai thuế, chưa sử dụng hóa đơn tự in...những lý do đó làm hạn chế việc tuân thủ pháp luật thuế, tăng chi phí của doanh nghiệp cũng như mất thời gian của cơ quan thuế do vậy khi hình thành các đại lý làm dịch vụ thủ tục thuế thì sẽ tiết kiệm thời gian cho cả doanh nghiệp và Cơ quan Thuế.

Hoàn thiện hệ thống tin học, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu thuế: Ngành thuế cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cung cấp thông tin về thuế cho doanh nghiệp một cách nhanh chóng thuận tiện nhất nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường tính tự giác tuân thủ luật thuế.

Bước 2: Tổ chức thực hiện

Thực hiện nghiên cứu các doanh nghiệp hoạt động vận tải tại cơ quan thuế dựa trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế tập trung - TMS

Thực hiện nghiên cứu tổng quan về doanh nghiệp hoạt động kinh doanh vận tải tại trụ sở cơ quan thuế qua hệ thống ứng dụng Quản lý thuế

tập trung – TMS. Đây là bước quan trọng để biết được các thông tin về địa chỉ văn phòng, cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích tổng quan về doanh nghiệp trước khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là bước rất quan trọng để xác định các rủi ro về thuế giúp phục vụ công tác kiểm tra được nhanh chóng và hiệu quả.

Cập nhật thông tin tổng quan về doanh nghiệp cần kiểm tra trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế tập trung – TMS và tình hình kê khai thuế Giá trị gia tăng trên chương trình VAT, theo dõi doanh thu, chi phí kê khai từng kỳ trên hệ thống ứng dụng kê khai qua mạng. Từ đó có thể xác định được quy mô hoạt động của doanh nghiệp để phân tích tương ứng về doanh thu, chi phí hợp lý, số lượng lao động, số tiền luân chuyển để thực hiện hoạt động kinh doanh. Sau đó, tiến hành theo dõi nghĩa vụ nộp tiền thuế đã kê khai của doanh nghiệp trên sổ giao dịch chi tiết.

Thực hiện nghiên cứu, phân tích báo cáo tài chính: đây là bước rất quan trọng để nhận biết được rủi ro về thuế trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các nội dung nghiên cứu, phân tích cần lưu ý:

Thực hiện công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế:

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Khi kiểm tra tờ khai tại cơ quan thuế, nếu phát hiện có sai phạm sau khi đã yêu cầu giải trình nhưng đơn vị không giải trình hoặc giải trình không đáp ứng được yêu cầu thì cơ quan thuế có thể quyết định ấn định số thuế phải nộp hoặc quyết định kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu do người nộp thuế cung cấp, cán bộ kiểm tra tiến hành truy lần lại từ chứng từ gốc, tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ; Đối chiếu nội dung trong hồ sơ khai thuế với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan khác trong phạm vi nội dung của quyết định kiểm tra.

Kiểm tra doanh số bán ra.

Kiểm tra chi phí đầu vào.

+ Để có thể xác định chính xác, hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng trốn thuế của doanh nghiệp qua việc khai tăng chi phí nguyên vật liệu thì cán bộ kiểm tra căn cứ vào phiếu xuất kho, bảng kê hàng tồn kho, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, các chứng từ khác để làm căn cứ xác định;

+ Để xác định chi phí tiền công, tiền lương, tiền thưởng, các khoản trích theo lương... cán bộ kiểm tra cần căn cứ vào hợp đồng lao động, quy mô sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, số lượng lao động thực tế tại doanh nghiệp, các quy định trong văn bản pháp luật. Lưu ý: Kiểm tra chi phí tiền nhân công phải có Hợp đồng lao động, mã số thuế Thu nhập cá nhân, bảng chấm công, bảng lương, bảng tính lương theo sản phẩm. Trường hợp doanh nghiệp khoán phần công việc thì phải có Hợp đồng giao khoán tiền lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải được chi trả và hạch toán theo đúng quy chế của đơn vị; Đối chiếu tiền lương trên TK 334 và quyết toán thuế Thu nhập cá nhân, trường hợp ký hợp đồng thời vụ dưới 3 tháng hoặc không ký hợp đồng thì khi vượt trên mức quy định phải khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân (Thông tư 111/2013/TT-BTC thì khi mức trả từ 2 triệu đồng trở lên thì thực hiện khấu trừ 10%) trừ trường hợp có mẫu cam kết 23/TNCN.

+ Đối với chi phí khấu hao TSCĐ: theo quy định thì các doanh nghiệp chỉ được trích khấu hao khi thỏa mãn 3 điều kiện trong luật tuy nhiên nhiều doanh nghiệp vẫn trích sai quy định, do vậy khi kiểm tra cán bộ thuế căn cứ vào phương pháp tính khấu hao mà đơn vị đã đăng ký, thời gian trích khấu hao, các chứng từ liên quan khác để xác định.

+ Các khoản chi khác như chi phí quản lý doanh nghiệp...cán bộ kiểm tra căn cứ vào sổ sách, chứng từ và quy định của pháp luật để xác định.

Kê khai, nộp, hoàn thuế và cưỡng chế nợ thuế.

Nguyên tắc tính thuế, khai thuế

- Người nộp thuế phải tính, xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp cơ quan thuế ấn định thuế hoặc tính thuế theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý thuế.

- Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế với cơ quan thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế.

- Đối với loại thuế khai theo tháng, quý, tạm tính theo quý hoặc năm, nếu trong kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc người nộp thuế đang thuộc diện được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp đã chấm dứt hoạt động kinh doanh và trường hợp tạm ngừng kinh doanh theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 1 Điều này và các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư này.

- Đối với loại thuế khai theo tháng hoặc khai theo quý, kỳ tính thuế đầu tiên được tính từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý, kỳ tính thuế cuối cùng được tính từ ngày đầu tiên của tháng hoặc quý đến ngày kết thúc hoạt động kinh doanh. Kỳ tính thuế năm của thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế. Kỳ tính thuế năm của các loại thuế khác là năm dương lịch.

- Đồng tiền khai thuế là Đồng Việt Nam. Trường hợp khai các loại thuế liên quan đến hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên thì đồng tiền khai thuế là Đô la Mỹ.

- Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế bao gồm tờ khai thuế và các tài liệu liên quan làm căn cứ để người nộp thuế khai thuế, tính thuế với Cơ quan Thuế.

Người nộp thuế phải sử dụng đúng mẫu tờ khai thuế và các mẫu phụ lục kèm theo tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi

khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế. Đối với một số loại giấy tờ trong hồ sơ thuế mà Bộ Tài chính không ban hành mẫu thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý, tạm tính theo quý chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế năm chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của tháng đầu tiên của năm dương lịch.

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 (mười), kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

+ Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế đối với trường hợp doanh nghiệp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm), kể từ ngày có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động.

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thu khác liên quan đến sử dụng đất theo cơ chế một cửa liên thông thì thực hiện theo thời hạn quy định tại văn bản hướng dẫn về cơ chế một cửa liên thông đó.

- Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế

+ Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thì được thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.

+ Thời gian gia hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế tạm tính theo quý, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần phát

sinh nghĩa vụ thuế; không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế.

+ Người nộp thuế phải gửi đến Cơ quan Thuế nơi nhận hồ sơ khai thuế văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trước khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc công an xã, phường, thị trấn nơi phát sinh trường hợp được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế phải trả lời bằng văn bản cho người nộp thuế về việc chấp nhận hay không chấp nhận việc gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; nếu cơ quan thuế không có văn bản trả lời thì coi như đề nghị của người nộp thuế được chấp nhận.

Bước 3. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện

Kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý thuế được xác định là công việc thường xuyên mang tính nghiệp vụ được thực hiện ngay tại trụ sở cơ quan thuế dựa trên hồ sơ khai thuế của NNT hoặc được thực hiện tại trụ sở của NNT khi mà NNT không giải trình được các số liệu chưa hợp lý trong hồ sơ khai thuế.

Thanh tra thuế được thực hiện trong các trường hợp: Có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế; doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng thì thanh tra định kỳ một năm không quá một lần; đề giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan Tổng Cục Thuế có thẩm quyền.

Cơ quan quản lý thuế được giao quyền sử dụng một số biện pháp để đảm bảo thu đủ tiền thuế cho Ngân sách Nhà nước. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hành quyết định cưỡng chế thuế và có nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đối tượng thuộc diện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng cùng với cơ quan quản lý thuế thực hiện việc

cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn, hỗ trợ cơ quan quản lý thuế trong quá trình cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế khi có yêu cầu của người ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Từ năm 2007 đến nay, ngành thuế đã công bố, công khai toàn bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, để NNT biết và dễ dàng thực hiện, đồng thời, kiểm soát việc thực thi theo đúng quy định, tránh việc các cơ quan thuế, cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu thuế tiện gây phiền hà cho NNT. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đồng thời sửa đổi, bổ sung thay thế bãi bỏ các thủ tục không còn phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội, tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã kiến nghị đơn giản hóa nhiều thủ tục kịp thời tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp tránh lãng phí Ngân sách.

Trong Luật Quản lý thuế đã định rõ, công khai, minh bạch các loại giấy tờ của từng loại hồ sơ thuế: hồ sơ khai thuế, hồ sơ miễn giảm thuế, hồ sơ hoàn thuế... để NNT tự xác định được trách nhiệm của mình. Đồng thời ban hành hệ thống mẫu biểu áp dụng chung cho NNT và cơ quan thuế. Trong đó có hướng dẫn cụ thể cách khai các chỉ tiêu trong mẫu biểu để NNT dễ thực hiện.

Thống nhất thời hạn nộp hồ sơ khai thuế phù hợp với từng loại thuế khai theo tháng, theo năm, theo từng lần phát sinh để NNT dễ thực hiện. Sửa đổi một số thời hạn, phương thức khai thuế của một số loại thuế cho phù hợp với thực tế hơn. Thời hạn nộp thuế được quy định gắn với thời hạn khai thuế vừa bảo đảm phù hợp với tính chất của từng loại thuế, vừa tạo thuận lợi cho NNT dễ nhớ, dễ thực hiện và không phải làm các thủ tục hành chính thuế rải rác nhiều ngày trong tháng, giảm phiền hà cho NNT. Hiện nay, ngoài việc thực hiện kê khai theo tháng, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có doanh thu dưới 20 tỷ/ năm, có thể lựa chọn hình thức kê khai theo quý, để tránh lãng phí thời gian và dễ dàng theo dõi, tổng hợp.

Nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của NNT trong quá trình tuân thủ pháp luật thuế, trước thời điểm cơ quan thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra NNT phát hiện hồ sơ khai thuế có sai sót, sẽ được khai bổ sung khai thuế và không bị phạt vi phạm hành chính về các lỗi sai sót này.

Cùng với việc sửa đổi các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn về thuế đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, ngành thuế đã xây dựng và triển khai dự án nộp hồ sơ khai thuế điện tử, giảm được nhiều chi phí về thời gian đi lại, chờ đợi để nộp tờ khai cho NNT và chi phí in ấn, lưu trữ tờ khai, giảm áp lực cho cơ quan thuế trong những ngày cao điểm tiếp nhận tờ khai thuế và nhập dữ liệu, lưu trữ hồ sơ của NNT.

1.4. Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã hệ thống hóa được các vấn đề thuộc cơ sở lý luận về Thuế và chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải. Cụ thể bao gồm các vấn đề về tổng quan về thuế, khái niệm, đặc điểm, các sắc thuế và vấn đề quản lý thuế đối với các doanh nghiệp vận tải. Đồng thời cũng nghiên cứu lý luận chung về thất thu thuế và chống thất thu thuế trong doanh nghiệp vận tải, quy trình chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải. Đây là những cơ sở tiền đề cho việc phân tích thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp tại Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An tại chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỐNG THẮT THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VẬN TẢI TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC NGÔ QUYỀN - HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu về Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thành phố Hải Phòng

2.1.1 Vị trí, chức năng

Thực hiện Quyết định số 2801/QĐ-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc hợp nhất 4 Chi cục thuế quận, huyện thuộc Cục Thuế thành phố Hải Phòng từ ngày 02/03/2020. Chi cục Thuế quận Ngô Quyền sát nhập với Chi cục Thuế quận Hải An và được đổi thành Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.

“Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An là đơn vị trực thuộc Cục Thuế Thành phố Hải Phòng có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế tại quận Ngô Quyền theo quy định của pháp luật. Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật”.

2.1.2 Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thực hiện theo qui định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các qui định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

“Chủ động triển khai và tổ chức thực hiện thống nhất các văn bản qui phạm pháp luật về thuế; quy trình, biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế tại Chi Cục thuế;

Thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa

phương về công tác lập và chấp hành dự toán thu ngân sách Nhà nước, về công tác quản lý thuế tại Chi Cục thuế ; phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao;

Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước; hỗ trợ người nộp thuế tại Chi Cục thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Đề xuất và kiến nghị với Cục trưởng Cục Thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy trình chuyên môn nghiệp vụ, các quy định quản lý nội bộ và những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo qui định của pháp luật thuế và các quy định, quy trình, biện pháp nghiệp vụ của ngành; đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Quản lý thông tin về người nộp thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế tại Chi Cục thuế;

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế theo phân cấp và thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế;

Thực hiện theo quy định của pháp luật trong việc quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn, giảm, hoàn thuế, gia hạn thời hạn khai thuế, gia hạn thời hạn nộp tiền thuế, truy thu tiền thuế, xoá nợ tiền thuế, miễn xử phạt tiền thuế.

Được quyền yêu cầu người nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ

chức, cá nhân có liên quan cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý thu thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan thuế để thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước;

Được quyền ấn định thuế, thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế;

Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế do lỗi của cơ quan thuế, theo quy định của pháp luật; giữ bí mật thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật;

Định kỳ thực hiện thống kê, kế toán thuế, quản lý biên lai, ấn chỉ thuế; lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên, của Ủy ban nhân dân đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác của Chi cục Thuế.

Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế và khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thi hành công vụ của công chức, viên chức thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xử lý vi phạm hành chính về thuế, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thực hiện nhiệm vụ cải cách hệ thống thuế theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hoá thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi phục vụ cho người nộp thuế thực hiện chính sách, pháp luật về thuế.

Tiếp nhận và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại vào các hoạt động của Chi cục Thuế.

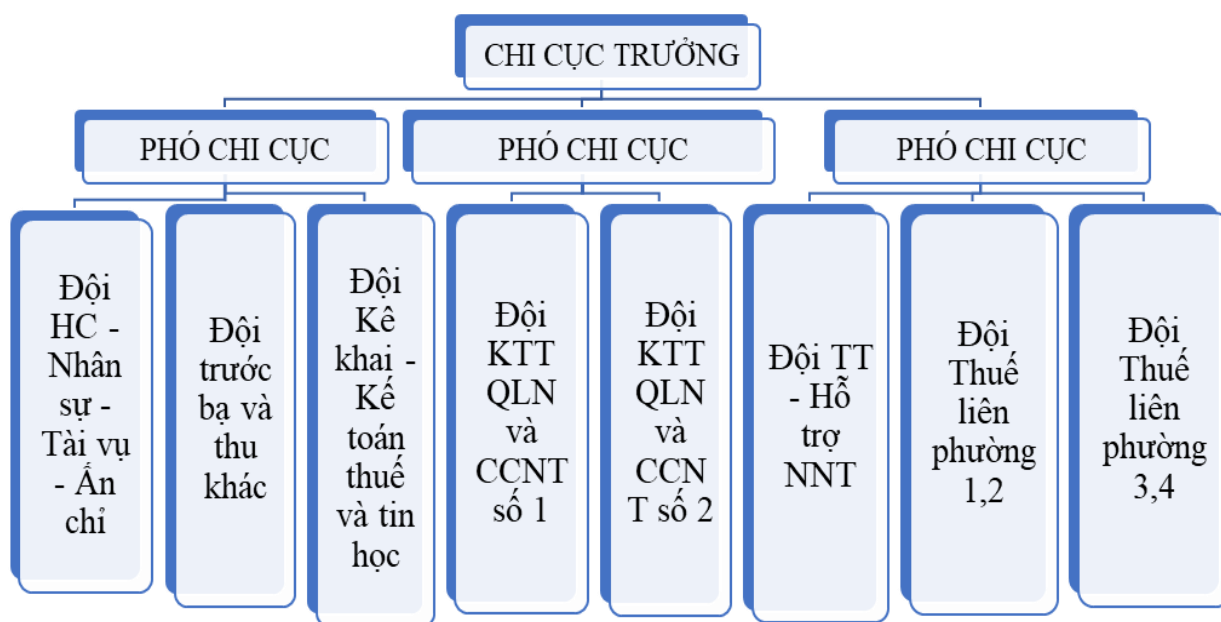
Quản lý bộ máy, biên chế, lao động; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức của Chi cục Thuế theo quy định của Nhà nước và của ngành thuế.

Quản lý kinh phí, tài sản được giao, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế theo quy định của pháp luật và của ngành.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Thuế giao.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy

Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thực hiện đúng theo quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục thuế.



(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy tại chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

Lãnh đạo Chi cục Thuế bao gồm: Chi cục trưởng và 3 Phó Chi cục trưởng. Bộ phận chuyên môn Chi cục Thuế quận Hải An gồm ba tổ nghiệp vụ và các đội hành thu. Là Chi cục Thuế thực hiện thu thuế hàng năm trên 400 tỷ đồng, cơ cấu bộ máy gồm các Đội:

- a) Đội Hành chính – Nhân sự - Tài Vụ - Ấn chỉ;
- b) Đội Kê khai - Kế toán thuế và Tin học;
- c) Đội kiểm tra thuế số 1;
- d) Đội kiểm tra thuế số 2;
- e) Đội quản lý thu Lệ phí trước bạ và thu khác;
- f) Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế;
- g) Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế;
- h) 4 Đội thuế liên phường.

2.2. Thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

2.2.1. Khái quát về các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền – Hải An

Bảng 2.1: Số lượng doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An từ năm 2016 -2020

Năm	Số đối tượng quản lý đầu kỳ	Tăng	Giảm				Số đối tượng quản lý cuối kỳ
			Giải thể	Chuyển địa bàn	Bỏ trốn	Tổng	
2016	1106	75	15	1	20	35	1146
2017	1146	103	12	3	22	34	1215
2018	1215	125	10	2	23	33	1307
2019	1307	175	10	5	26	36	1446
2020	1446	159	9	3	28	37	1568

(Nguồn: tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Quản lý NNT là khâu đầu tiên trong quá trình quản lý thuế. Quản lý NNT tốt sẽ là tiền đề quan trọng định hướng cho công tác quản lý số nộp, tránh thất thu NSNN. Tình hình doanh nghiệp được phân cấp quản lý trong thời gian qua được phản ánh tại bảng 2.1.

- Tính đến ngày 31/12/2016 số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải do Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An quản lý là 1.145 doanh nghiệp tăng so với đầu kỳ 55 doanh nghiệp.

- Tính đến ngày 31/12/2017 số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải do Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An quản lý là 1.215 doanh nghiệp tăng so với đầu kỳ 69 doanh nghiệp.

- Tính đến ngày 31/12/2018 số lượng doanh nghiệp vận tải do Chi cục thuế quản lý là 1.307 doanh nghiệp tăng so với 31/12/2017 là 92 doanh nghiệp.

- Tính đến ngày 31/12/2019 số lượng doanh nghiệp vận tải là 1.446 doanh nghiệp tăng so năm 2018 là 139 doanh nghiệp tăng so với năm 2016 là 300 doanh nghiệp.

- Tính đến ngày 31/12/2020 số lượng doanh nghiệp vận tải là 1.568 doanh nghiệp tăng so với năm 2019 là 122 doanh nghiệp tăng so với năm 2016 là 422 doanh nghiệp.

Bảng 2.2: Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải chia theo loại hình doanh nghiệp

Năm	TNHH	CP	DNTN	HTX, CN, VPDD
2016	607	408	97	34
2017	653	420	107	35
2018	684	462	123	38
2019	761	502	142	41
2020	820	546	156	46

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền-Hải An)

Những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải tại Chi Cục thuế quận Ngô Quyền - Hải An không ngừng tăng lên kéo theo việc quản lý doanh nghiệp của cán bộ thuế ngày càng phức tạp.

Bên cạnh việc chấp hành quản lý theo nội dung quản lý thuế quy định trong Luật Quản lý thuế, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An đã áp dụng nhiều phương pháp quản lý nhằm hạn chế tối đa thất thu NSNN như: phân công trách nhiệm quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải theo loại hình doanh nghiệp đến từng cán bộ thuế đặc biệt là các cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý doanh nghiệp theo địa bàn. Mỗi phương thức quản lý đều có những ưu điểm tích cực với những mục tiêu quản lý của Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An.

Quản lý số lượng doanh nghiệp hoạt động vận tải bằng thuế môn bài: Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp khi tham gia kinh doanh đều có trách nhiệm nộp thuế môn bài. Mức thuế môn bài phải nộp của doanh nghiệp phụ thuộc vào vốn điều lệ đăng ký trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, có 3 mức thuế được áp dụng cho các tổ chức kinh doanh:

Bảng 2.3: Bậc thuế Môn bài

Thuế môn bài	Vốn đăng ký	Mức thuế môn bài cả năm
Bậc 1	trên 10 tỷ	3.000.000
Bậc 2	dưới 10 tỷ	2.000.000
Bậc 3	Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1.000.000

(Nguồn: Thông tư 302/2016/TT-BTC)

Căn cứ vào số nộp Môn bài theo từng bậc, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An có thể cập nhật chính xác nhất tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Chi cục thuế. Hiện nay số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải Chi cục thuế đang quản lý thông qua việc quản lý nộp thuế môn bài được thể hiện tại bảng 2.4.

Bảng 2.4: Số lượng doanh nghiệp vận tải nộp thuế Môn bài

Thuế môn bài	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Số DN	Số thuế nộp (tr đồng)	Số DN	Số thuế nộp (tr đồng)	Số DN	Số thuế nộp (tr đồng)
Bậc 1	642	1.926	696	2.088	753	2.259
Bậc 2	620	1.240	702	1.404	764	1.528
Bậc 3	45	45	48	48	51	51
Tổng	1.307	3.211	1.446	3.540	1.568	3.838

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền- Hải An)

Thông qua số liệu trên, có thể thấy các doanh nghiệp tại Chi Cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An có mức môn bài khá đồng đều. Trong 3 năm qua, số lượng doanh nghiệp hoạt động vận tải không ngừng tăng lên. Điều này cho thấy, quy mô so sánh dựa trên số vốn của doanh nghiệp khá lớn. Tuy nhiên, nếu chỉ căn cứ vào thuế môn bài của doanh nghiệp để kết luận quy mô doanh nghiệp hoạt động vận tải thì có thể không chính xác, do các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải kê khai không trên đăng ký kinh doanh, không sát với vốn thực có.

2.2.2. Thực trạng công tác chống thất thu thuế tại các doanh nghiệp vận tải của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

2.2.2.1. Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý kê khai tính thuế

Quản lý theo chức năng NNT tự tính, tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhằm tăng cường tính tuân thủ tự nguyện chấp hành pháp luật của NNT. Chi cục thuế đã đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp tạo điều kiện tốt nhất cho NNT thực hiện nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế. Hồ sơ khai thuế được cập nhật đầy đủ, tạo cơ sở dữ liệu về NNT phục vụ cho công tác quản lý thu thuế. Tình hình chấp hành kê khai thuế, kết quả kiểm tra tờ khai thuế của doanh nghiệp vận tải được thể hiện như sau:

Bảng 2.5. Thực trạng tình hình phân cấp và kê khai thuế của doanh nghiệp vận tải giai đoạn 2016 -2020

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	Doanh nghiệp được phân cấp quản lý	DN đã kê khai thuế	Doanh nghiệp chưa kê khai	Tỷ lệ DN KK (%)
2016	1146	1146	0	100
2017	1215	1215	0	100
2018	1307	1307	0	100
2019	1446	1446	0	100
2020	1568	1568	0	100

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải A)

Bên cạnh những đơn vị chấp hành tốt nghĩa vụ nộp tờ khai thuế còn có những đơn vị vẫn còn để tình trạng chậm nộp hồ sơ khai thuế.

Bảng 2.6 Tình hình nộp hồ sơ khai thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải

Năm	Số tờ khai đã nộp (tờ khai)	Số tờ khai nộp đúng hạn (tờ khai)	Tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn (%)	Số tờ khai chậm nộp (tờ khai)	Tỷ lệ chậm nộp tờ khai (%)
2016	9.865	9.740	98,73	125	1,27
2017	10.036	9.940	99,04	96	0,96
2018	10.294	10.212	99,20	82	0,80
2019	10.540	10.475	99,38	65	0,62
2020	10.698	10.658	99,63	40	0,37

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Đối với những doanh nghiệp nộp chậm hồ sơ khai thuế chi cục thuế đã gọi điện nhắc nhở, gửi thông báo qua thư điện tử, qua bưu điện. Đối với

những doanh nghiệp cố tình chây ì Chi cục thuế mời đơn vị lên làm việc ra thông báo xử phạt vi phạm hành chính cụ thể như bảng 2.7.

Qua bảng 2.7 cho thấy năm 2018 là năm đã thu được số tiền đã xử phạt về việc chậm nộp hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp nhiều nhất chủ yếu là thu được từ việc chậm nộp hồ sơ khai thuế trên 40 ngày, tuy nhiên số tờ khai chậm không nhiều. Năm ít nhất là năm 2020 và có xu hướng giảm dần. Số hồ sơ khai thuế đã giảm đi từ năm 2016 đến năm 2020 lần lượt là 125, 96, 82, 65 và 40 tờ khai, điều đó cho thấy công tác tuyên truyền hỗ trợ, đôn đốc và xử phạt răn đe đã đi vào hiệu quả.

Tuy nhiên số liệu thống kê của các cục thuế trên hệ thống TMS cho thấy số lượt xử phạt vi phạm hành chính còn chưa đầy đủ, chưa kịp thời so với số lượt vi phạm phải xử phạt. Theo Tổng cục Thuế, nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên do một số cơ quan thuế chưa chủ động, chưa thực sự quyết liệt áp dụng các biện pháp để thực hiện xử phạt vi phạm đối với người nộp thuế chậm nộp, không nộp hồ sơ khai thuế, thời gian thực hiện quy trình xử phạt người nộp thuế còn kéo dài, chưa đôn đốc người nộp thuế ký biên bản vi phạm kịp thời....dẫn đến số lượt chậm nộp, không nộp nhưng chưa thực hiện xử phạt còn nhiều. Từ năm 2013 Luật quản lý thuế bổ sung sửa đổi tăng mức xử phạt hành chính về chậm nộp tờ khai thuế dẫn đến tình trạng chậm nộp hồ sơ khai thuế đã giảm. Điều này chứng tỏ mức xử phạt cao làm cho người nộp thuế có ý thức tuân thủ hơn.

Bảng 2.7 Tình hình xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An

ĐVT: 1000 đồng

Năm	2016		2017		2018		2019		2020	
	Số tờ khai chậm	Số tiền đã xử phạt	Số tờ khai chậm	Số tiền đã xử phạt	Số tờ khai chậm	Số tiền đã xử phạt	Số tờ khai chậm	Số tiền đã xử phạt	Số tờ khai chậm	Số tiền đã xử phạt
Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ 1-10 ngày	50	31.700	43	26.800	34	23.800	29	17.600	12	8.900
Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ trên 10 -20 ngày	34	47.600	35	46.000	16	18.800	17	23.800	10	12.800
Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ trên 20 -30 ngày	18	36.900			18	37.800	19	36.300	13	27.300
Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ trên 30 -40 ngày	15	36.000	16	44.800	12	31.200			5	14.000
Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ trên 40 ngày	8	28.000	2	7.000	2	700.000	-		-	
Tổng	125	180.200	96	124.600	82	811.600	65	77.700	40	63.000

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

2.2.2.2. *Thực trạng chống thất thu thuế qua việc thực hiện kế hoạch kiểm tra thuế*

a) *Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại Chi cục thuế*

Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế đã được thực hiện theo đúng quy trình, nhưng chất lượng và hiệu quả chưa cao.

Công tác kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế theo quy trình kiểm tra thuế nhằm phân loại xác định rủi ro trong quá trình quản lý thuế để có các biện pháp xử lý kịp thời. Chi cục thuế đã tiến hành kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế tiếp nhận. Nhưng công tác phân loại, xác định rủi ro vẫn còn mang tính hình thức, chưa đi sâu vào chiều sâu, nhân lực còn thiếu nên kết quả kiểm tra các sai sót được phát hiện còn hạn chế, chưa hiệu quả theo yêu cầu.

Bảng 2.8 Tình hình kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT đối với doanh nghiệp vận tải thuộc Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An

Chỉ tiêu Năm	Kết quả xử lý hồ sơ khai thuế (hồ sơ)					Tổng số tiền thuế (triệu đồng)		
	Tổng số	Số hồ sơ chấp nhận	Số hồ sơ điều chỉnh	Số hồ sơ ấn định	Số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại DN	Điều chỉnh		Ấn định
						Tăng	Giảm	
2016	9.865	9.700	165	0	32	2.253	154	0
2017	10.036	9.857	179	0	39	2.965	168	0
2018	10.294	10.098	196	0	46	3.105	134	0
2019	10.540	10.337	203	0	52	4.569	168	0
2020	10.698	10.481	217	0	42	5.125	198	0
Tổng cộng	51.433	50.473	960	0	211	18.017	822	0

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT cho thấy:

- Năm 2016: Chi cục thuế đã kiểm tra 9.865 lượt hồ sơ khai thuế của

người nộp thuế, yêu cầu giải trình, bổ sung đối với 165 hồ sơ (bằng 1,7%), số thuế yêu cầu điều chỉnh tăng là 2.253 triệu đồng, điều chỉnh giảm 154 triệu đồng; chuyển 32 hồ sơ sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

- Năm 2017: Chi cục thuế đã kiểm tra 10.036 lượt hồ sơ của người nộp thuế, yêu cầu giải trình, bổ sung đối với 179 hồ sơ, số thuế yêu cầu điều chỉnh tăng là 2.965 triệu đồng, điều chỉnh giảm 168 triệu đồng; chuyển 39 hồ sơ sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

- Năm 2018: Chi cục thuế đã thực hiện kiểm tra 10.294 hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, trong đó yêu cầu giải trình 196 hồ sơ, số thuế điều chỉnh tăng 3.105 triệu đồng; chuyển 46 hồ sơ sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

- Năm 2019: Chi cục thuế đã thực hiện kiểm tra 10.540 hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, trong đó yêu cầu giải trình 203 hồ sơ khai thuế, số thuế điều chỉnh tăng 4.569 triệu đồng, giảm 168 triệu đồng, chuyển hồ sơ sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế 52 hồ sơ.

- Năm 2020: Chi cục thuế đã thực hiện kiểm tra 10.698 hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, trong đó yêu cầu giải trình 217 hồ sơ khai thuế, số thuế điều chỉnh tăng 5.125 triệu đồng, giảm 198 triệu đồng, chuyển hồ sơ sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế 42 hồ sơ.

+ Công tác kiểm tra tại trụ sở NNT

Việc kiểm tra trụ sở người nộp thuế cũng đều phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp, đánh giá việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Không cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

- Tuân thủ quy định của Luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Do số lượng doanh nghiệp lớn phát sinh ngày càng nhiều, ngành nghề kinh doanh ngày càng đa dạng, phức tạp, đặc biệt là ngành nghề sử dụng công nghệ cao; phương thức, thủ đoạn gian lận thuế ngày càng tinh vi, phức tạp nên việc đấu tranh ngăn chặn kịp thời các vi phạm pháp luật thuế là khó khăn.

Ngoài ra, nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế so với số lượng doanh nghiệp cần thanh tra, kiểm tra dẫn đến khối lượng công việc tăng, tạo ra áp lực cho công chức thuế trong việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế...

Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT các năm 2016 - 2020 cụ thể như sau:

Bảng 2.9. Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp vận tải thuộc Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An

Năm	Số doanh nghiệp được kiểm tra (DN)		Kết quả kiểm tra từ (triệu đồng)		
	Kế hoạch	Kế hoạch	Truy thu & Xử phạt	Giảm lỗ	Giảm thuế GTGT khấu trừ
Năm 2016	239	239	47.325	35.921	32.235
Năm 2017	256	256	58.235	47.269	34.215
Năm 2018	289	289	78.965	59.267	45.231
Năm 2019	301	301	89.687	62.524	67.856
Năm 2020	346	346	106.687	56.368	98.231
Tổng cộng	1.431	1.431	380.899	261.349	277.768

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Báo cáo kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An, cho thấy:

- Năm 2016 kết quả kiểm tra: Đã hoàn thành kiểm tra tại 239 doanh nghiệp (đạt 100 % kế hoạch). Tổng số thuế kiến nghị truy thu và xử phạt qua kiểm tra là 47.325 triệu đồng; giảm lỗ 35.921 triệu đồng, giảm thuế GTGT khấu trừ 32.235 triệu đồng.

- Năm 2017 kết quả kiểm tra: Đã hoàn thành kiểm tra tại 256 doanh nghiệp (đạt 100% kế hoạch), tăng so với năm 2016 là 17 doanh nghiệp Tổng

số thuế truy thu và xử phạt VPHC qua kiểm tra là 58.235 triệu đồng tăng so với năm 2016 là 10.910 triệu đồng, giảm lỗ 47.269 triệu đồng, tăng so với năm 2016 là 1.980 triệu đồng, giảm khấu trừ thuế GTGT 34.215 triệu đồng.

- Năm 2018 kết quả kiểm tra: Đã hoàn thành kiểm tra tại 289 doanh nghiệp (đạt 100 % kế hoạch) tăng so với năm 2015 là 33 doanh nghiệp; xử lý truy thu và phạt VPHC 78.965 triệu đồng (bằng 135,6% so cùng kỳ năm 2017), giảm lỗ qua kiểm tra là 59.267 triệu đồng (bằng 125% so cùng kỳ năm 2017); Giảm khấu trừ thuế GTGT: 45.231 triệu đồng.

- Năm 2019 kết quả kiểm tra: đã hoàn thành kiểm tra tại 301 doanh nghiệp (đạt 100% kế hoạch); xử lý truy thu và phạt VPHC 89.687 triệu đồng, giảm lỗ 62.524 triệu, giảm khấu trừ 67.856 triệu đồng.

- Năm 2020 kết quả kiểm tra: đã hoàn thành kiểm tra tại 346 doanh nghiệp (đạt 100% kế hoạch); xử lý truy thu và phạt VPHC 106.687 triệu đồng, giảm lỗ 56.368 triệu đồng, giảm khấu trừ 98.231 triệu đồng.

Nguyên nhân vi phạm chủ yếu phát hiện qua kiểm tra là:

+)*Hành vi theo sắc thuế*

** Thuế Giá trị gia tăng*

+ Doanh thu tính thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra:

- Ghi nhận doanh thu không đúng trong kỳ tính thuế, ví dụ: hóa đơn GTGT xuất vào ngày 29/5/2018 nhưng kê khai, hạch toán doanh thu tính thuế GTGT vào tháng 6/2018.

- Không xuất hóa đơn, không kê khai thuế GTGT đầu ra đối với các khách hàng lẻ, không thường xuyên, người tiêu dùng không lấy hóa đơn, thanh toán bằng tiền mặt, không lấy hóa đơn cho việc thuê vận chuyển hàng hóa, dịch vụ....

- Kê khai thiếu, không kịp thời doanh thu tính thuế và thuế GTGT đầu ra như trường hợp thanh toán giai đoạn trong XDCB đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định.

- Thực hiện bù trừ công nợ trước khi ghi nhận doanh thu, xuất hóa đơn GTGT làm giảm doanh thu tính thuế và thuế GTGT đầu ra.

- Cho thuê tài sản cố định chỉ được giao dịch bằng hợp đồng kinh tế nhưng không được thể hiện trên sổ sách kế toán để hạch toán doanh thu, kê khai thuế GTGT đầu ra hoặc chỉ thể hiện tại tài khoản công nợ, bù trừ công nợ phải trả khác hoặc chỉ xác định thu nhập, không tính thuế GTGT.

+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các khoản chi phí phúc lợi (như tham quan, nghỉ mát...) vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế, chi phí tiêu dùng cho cá nhân (điện thoại, vé máy bay...), hóa đơn của các khoản chi phí do nguồn kinh phí khác đài thọ,...

- Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp (hóa đơn của DN kinh doanh hóa đơn, DN đã có kết luận của cơ quan điều tra, hóa đơn DN phát hành sau thời gian có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh, hóa đơn của DN bị cưỡng chế thu hồi hóa đơn,...) hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn (mua hóa đơn GTGT của các DN để hợp pháp hóa chi phí đầu vào) để khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Hạch toán, kê khai trùng hóa đơn đầu vào (kê khai đầu vào 2 lần).

- Kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hóa đơn mua hàng từ 20 triệu đồng trở lên hoặc những trường hợp quy định phải thanh toán không dùng tiền mặt nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Kê khai khấu trừ thuế GTGT của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi chở xuống tương ứng phần giá trị vượt 1,6 tỷ đồng.

- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào mua hàng hóa, dịch vụ không dùng cho sản xuất kinh doanh theo quy định.

- Khấu trừ hóa đơn GTGT đầu vào không ghi thuế; hóa đơn không ghi đúng các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán; hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa; hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế.

- Doanh nghiệp tư nhân thường dùng hoá đơn GTGT mua sắm trang thiết bị dùng cho cá nhân, gia đình để kê khai khấu trừ thuế GTGT.

- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi trả hộ nhà cung cấp hoặc cho bên thứ ba, khoản chi phí cho văn phòng đại diện của công ty mẹ,..

+ Hoàn thuế GTGT:

- Xác định số tiền thuế được hoàn không đúng đối tượng, không đảm bảo điều kiện khấu trừ, hoàn thuế.

** Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

+ Doanh thu tính thuế TNDN:

- Không ghi nhận doanh thu tài chính đối với hoạt động đầu tư tài chính, mua bán ngoại tệ, khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đã thực hiện trong năm.

- Không kê khai hoặc hạch toán và kê khai giá trị thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ; hoặc không ghi nhận thu nhập khác mà hạch toán giảm chi phí.

- Tặng vốn chủ sở hữu khác từ việc tài trợ, cho, biếu tặng không ghi nhận thu nhập khác để tính thuế TNDN.

- Số tiền phải trả cho người bán (Dư có TK 331) không có chủ nợ để trả, nhưng không ghi nhận thu nhập khác để tính thuế TNDN.

- Không hoàn nhập các khoản dự phòng theo chế độ quy định, quỹ dự phòng mất việc làm các năm trước chưa sử dụng hết vào thu nhập khác trong năm để tính thuế TNDN trong kỳ.

- Không ghi nhận kịp thời doanh thu, thu nhập để xác định doanh thu tính thuế TNDN. Không xác định doanh thu trong kỳ theo số được chấp nhận thanh toán mà xác định theo số thực thanh toán.

- Bỏ ngoài sổ sách kế toán các khoản thu được từ hoạt động cho thuê tài sản cố định, các khoản doanh thu đối với các khách hàng không cần hóa

đơn và các khoản thu khác hoặc treo tại những tài khoản công nợ, bù trừ công nợ phải trả khác,...

- Kê khai doanh thu không đầy đủ, trốn, giấu doanh thu bằng nhiều phương pháp tinh vi, thông đồng giữa bên mua và bên bán thông qua các hợp đồng mua bán, chứng từ thanh toán, giảm giá hàng bán ra nước ngoài...

- Không hạch toán vào thu nhập các khoản tiền nhận được từ việc bồi thường, đền bù,...

+ Các khoản chi phí được trừ:

- Hạch toán vào chi phí được trừ hóa đơn từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên nhưng không thanh toán bằng tiền mặt hoặc các trường hợp quy định khi thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ghi nhận vào chi phí được trừ các khoản chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí mua hàng thuộc đối tượng được lập Bảng kê thu mua vào nhưng lập Bảng kê ghi giá trị cao hơn thực tế mua (ví dụ như thuê nhà xưởng, văn phòng của các cá nhân không kinh doanh có doanh thu phát sinh dưới 100 triệu đồng một năm).

+ Chi khấu hao TSCĐ:

- Hạch toán TSCĐ mới đầu tư, hoặc mua sắm không đúng chế độ quy định (xác định sai nguyên giá, sai thời hạn đưa vào sử dụng, sai thời hạn khấu hao); khấu hao đối với TSCĐ đã hết giá trị, không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải, không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp; khấu hao nhanh không đúng đối tượng, không đảm bảo điều kiện theo quy định; không thông báo với CQT phương pháp trích khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp lựa chọn.

- Khấu hao đối với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi chở xuống (trừ ô tô chuyên kinh doanh vận tải, du lịch và khách sạn).

- Hạch toán trích khấu hao TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài và đất thuê không có thời hạn. Các tài sản doanh nghiệp mua phục vụ mục

đích cá nhân (điều hòa, tivi, tủ lạnh,...) nhưng vẫn trích khấu hao hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (đơn vị có hạch toán theo dõi nhưng khi kiểm tra thực tế lại không có).

- Không thực hiện nhất quán phương pháp khấu hao áp dụng cho từng tài sản trong suốt quá trình sử dụng tài sản đó.

- Chi mua sắm tài sản cố định nhưng hạch toán một lần vào chi phí mà không hạch toán tăng tài sản cố định và tính khấu hao theo qui định. Hạch toán các khoản nâng cấp tài sản vào chi phí;

- + Chi phí nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ:

- Hợp thức hoá chi phí đầu vào bằng các hoá đơn bất hợp pháp. Trong lĩnh vực kinh doanh hàng nông sản, các đơn vị thường sử dụng bảng kê mua hàng để hợp thức hoá hoặc nâng giá trị hàng hoá mua vào. Nhiều cơ sở kinh doanh thông đồng với các đơn vị kinh doanh xăng dầu để có hoá đơn nhiên liệu, hạch toán chi phí nhiều hơn so với thực tế phát sinh của Công ty.

- Không sử dụng nguồn quỹ dự phòng tài chính hoặc quy trách nhiệm cho cá nhân theo quy định để xử lý các khoản hao hụt nguyên liệu, vật liệu, thiệt hại do khách quan. Hạch toán chi phí các khoản hao hụt theo định mức cho phép nhưng không tiến hành kiểm kê theo thực tế phát sinh.

- Không kiểm kê công cụ, dụng cụ định kỳ theo quy định. Chi phí công cụ, dụng cụ không được phân bổ theo mục đích sử dụng theo quy định mà hạch toán thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ.

- Không theo dõi, kiểm kê, hạch toán thẳng chi phí công cụ, dụng cụ mà nhiều đơn vị lợi dụng chuyển tài sản cố định sang công cụ, dụng cụ để hạch toán chi phí hoặc hạch toán chi phí công cụ, dụng cụ nhưng trên thực tế sử dụng cho cá nhân, làm quà biếu hoặc thực tế không phát sinh.

- Hạch toán chi phí tiêu hao vượt định mức đối với nguyên nhiên vật liệu Nhà nước ban hành định mức tiêu hao.

- + Chi phí tiền lương, tiền công:

- Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao

động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật

- Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế tài chính của doanh nghiệp....

- Chi tiền lương, tiền công và các phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương năm sau liền kề. Hoặc trích mức dự phòng tiền lương vượt quá 17% quỹ lương thực hiện.

- Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty TNHH một thành viên (do một cá nhân làm chủ) trực tiếp hay không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD; thù lao trả cho các sáng lập viên, thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị mà những người này không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.

- Chi phí tiền lương trích vượt đơn giá đã được phê duyệt. Ví dụ trường hợp đơn giá tiền lương tính trên tổng doanh thu, nhưng khi xác định quỹ lương hạch toán chi phí SXKD trong kỳ, đơn vị xác định cả tiền lương cho hàng tồn kho, sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Một số cơ sở kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự toán, đo đạc... thường hợp thức hoá chi phí hoặc nâng khống chi phí SXKD trong kỳ thông qua chi phí tiền lương, tiền công.

+ Chi phí lãi vay:

- Chi phí trả lãi vay vốn SXKD của đối tượng không phải tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay. Đối với các doanh nghiệp vận tải, thường hay nâng khống chi phí lãi vay ngoài bằng các hợp đồng vay mặc

dù lãi suất vay bằng lãi suất Ngân hàng.

- Chi trả lãi vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc điều lệ của doanh nghiệp.

- Không vốn hóa phần lãi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng TSCĐ. Không có hợp đồng vay tiền, khi vay, cho vay, trả nợ vay không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Khi vay của doanh nghiệp (không phải là tổ chức tín dụng) khi trả lãi vay không yêu cầu doanh nghiệp cho vay xuất hóa đơn.

+ Các khoản trích lập, trích trước:

Không có đầy đủ hồ sơ trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trích lập dự phòng trong khi không đáp ứng điều kiện được trích lập (phải có thu nhập chịu thuế,...). Không thực hiện hoàn nhập các khoản trích lập dự phòng cũng như các khoản trích trước (hết kỳ hạn, hết chu kỳ chưa chi hoặc chi không hết) theo quy định,...

+ Các khoản chi phí khác:

- Chi phí không chế: Tuy chính sách thuế hiện nay đã dỡ bỏ mức không chế về chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại,... nhưng trong thực tế khi thanh tra, kiểm tra nếu doanh nghiệp thực hiện quảng cáo, tiếp thị dưới hình thức tặng quà là hàng hóa thuộc đối tượng Nhà nước cấm quảng cáo dưới mọi hình thức (bia, rượu, thuốc lá,...) thì không được hạch toán chi phí hợp lý khoản chi phí này.

- Ghi nhận vào chi phí các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, các khoản truy thu thuế và phạt; các khoản chi đã được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác; các khoản tài trợ, ủng hộ không đúng đối tượng quy định hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ; các khoản chi không đúng đối tượng, không đúng mục đích hoặc mức chi vượt quá quy định....

- Hạch toán vào chi phí tài chính khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu,...).

+ Ưu đãi miễn giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Không đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN (không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, nộp thuế TNDN theo kê khai; không thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi tại từng thời điểm,...) nhưng vẫn áp dụng ưu đãi thuế TNDN.

- Không theo dõi riêng được thu nhập từng hoạt động được hưởng và không được hưởng ưu đãi, hưởng ưu đãi với các mức khác nhau nhưng thực hiện phân bổ thu nhập chịu thuế không đúng quy định ảnh hưởng đến việc xác định số thuế TNDN được ưu đãi không chính xác. Hạch toán tăng, giảm chi phí giữa các hoạt động SXKD được ưu đãi về thuế và không được ưu đãi về thuế để làm giảm số thuế TNDN phải nộp theo hướng có lợi nhất.

Ưu đãi theo địa bàn chỉ áp dụng đối với các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đó. Các hoạt động diễn ra trên địa bàn khác không được ưu đãi (DN có thể phát sinh thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại, thực hiện quyền xuất nhập khẩu không được ưu đãi thuế TNDN,...).

Đăng ký địa bàn hoạt động để được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN theo quy định của Luật đầu tư và Luật thuế TNDN nhưng sau đó lại chuyển địa bàn (như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ...).

- Xác định thuế TNDN được miễn, giảm do ưu đãi đầu tư cho dự án hết thời hạn hưởng ưu đãi. Xác định không đúng thời gian bắt đầu được áp dụng thuế suất ưu đãi, năm đầu tiên được miễn thuế TNDN, số năm được miễn và số năm được giảm thuế TNDN.

- Xác định ưu đãi miễn giảm thuế TNDN không đúng quy định của Luật Thuế TNDN nhất là ưu đãi đối với hoạt động đầu tư mở rộng trong giai đoạn năm 2009 - 2013 và các giai đoạn trước. Chuyển tiếp ưu đãi thuế TNDN

không đúng quy định của Luật số 32/2013/QH13 cho các dự án đầu tư mở rộng thực hiện trước năm 2014.

- Không phân biệt và xác định được hoạt động đầu tư mở rộng hay hoạt động đầu tư thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính nên ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN.

- Bù trừ lãi lỗ giữa hoạt động được ưu đãi và hoạt động không được ưu đãi thuế trong kỳ không đúng quy định.

- Xác định số lỗ năm trước được chuyển vào thu nhập chịu thuế năm sau không đúng quy định, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế theo các mức khác nhau. Không chuyển lỗ tương ứng cho cùng một hoạt động hoặc không chuyển lỗ cho hoạt động được hưởng ưu đãi thuế trước khi chuyển lỗ sang hoạt động có mức ưu đãi thấp hơn hoặc không được ưu đãi.

- Hạch toán kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí không đúng niên độ phát sinh nhằm hưởng lợi ích từ việc áp dụng thuế suất thuế TNDN chênh lệch giữa các năm liên kế nhau. Chuyển thu nhập chịu thuế từ năm hết ưu đãi sang năm được giảm thuế, chuyển từ năm được giảm thuế sang năm được miễn thuế TNDN,...

- Thành lập nhiều doanh nghiệp để được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với DN thành lập mới và chuyển lợi nhuận từ DN hết ưu đãi sang DN đang được ưu đãi để trốn, tránh thuế TNDN. Điều này xảy ra tại các DN có giao dịch liên kết, nhất là các DN có thành viên góp vốn lẫn nhau, chuyển thu nhập từ DN không ưu đãi hoặc hết ưu đãi, sang DN đang còn ưu đãi hoặc tận dụng chính sách ưu đãi thuế ở những vùng còn khó khăn của Chính phủ. Nghĩa là thay vì phải nộp NSNN một khoản thuế thì DN chuyển sang đối tác liên kết đang trong thời gian miễn giảm thuế. Có trường hợp, DN lách bằng cách ngưng hoạt động hoặc giải thể khi hết ưu đãi, sau đó lập công ty khác để hưởng ưu đãi từ đầu.

** Thuế Nhà thầu nước ngoài:*

Không kê khai, và nộp thuế nhà thầu nước ngoài trong một số trường hợp:

- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, tài sản cố định có kèm theo các dịch vụ lắp đặt, chạy thử...

- Xuất nhập khẩu tại chỗ.

- Mua hàng hóa của nhà cung cấp nước ngoài theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam (DDP, DAT, DAP, DDU...)

- Thanh toán tiền hoa hồng chi trả về việc môi giới bán hàng tại Việt Nam cho bên nước ngoài.

- Thanh toán lãi tiền vay, tiền bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn, tiền phạt, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng,... cho bên nước ngoài.

Ngoài các hành vi vi phạm pháp luật thuế thường gặp phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra theo sắc thuế đã trình bày ở trên. Với doanh nghiệp vận tải thường:

- Hạch toán không đúng, đầy đủ doanh thu vận tải nhất là doanh thu của các khách hàng không lấy hóa đơn

- Hạch toán vào chi phí nhiên liệu vượt quá thực tế, lấy khống chứng từ, hóa đơn nhiên liệu, vé cầu đường nhưng không chứng minh được cung đường vận chuyển; Cá biệt có doanh nghiệp làm giả các hợp đồng sửa chữa phương tiện vận tải, lấy khống các chứng từ, hóa đơn phụ tùng, nhân công sửa chữa để bù vào những chi phí không hợp lệ đã phát sinh.

2.2.2.3. Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý nợ đọng thuế

Đẩy mạnh công tác thu nợ đọng thuế ngay trong tháng, hạn chế thấp nhất số thuế nợ phát sinh, nợ thuế kéo dài theo tinh thần chỉ đạo của Cục Thuế thành phố, của Tổng cục Thuế - Bộ tài chính, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng dưới 5%

trên tổng số thu ngân sách và đảm bảo chỉ tiêu thu hồi nợ cao nhất theo kế hoạch Cục Thuế giao.

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu điều hành kinh tế - xã hội năm 2014 và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, cụ thể là Chi cục tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế sửa đổi, bổ sung. Tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ công chức Chi cục học tập nghiên cứu, đồng thời in và sao gửi văn bản liên quan trực tiếp đến các doanh nghiệp SXKD giao thông vận tải và doanh nghiệp thuê đất, tiếp tục thực hiện gia hạn nộp tiền sử dụng đất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến người nộp thuế trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế, phí, lệ phí trên địa bàn, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách, công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, thực hiện kịp thời và kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế.

Bảng 2.10. Tình hình nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền - Hải An

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Nợ có khả năng thu	16.254	13.652	12.548	13.659	11.254
Nợ không có khả năng thu	13.584	15.421	16.102	16.978	17.564
Nợ chờ điều chỉnh	250	126	96	-	-
Tổng	30.088	29.199	28.746	30.637	28.818

(Nguồn: Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền – Hải An)

Trước tình hình nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Ngô Quyền và quận Hải An được phản ánh tại bảng 2.10 ở trên, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An đã biện pháp tổ chức thực hiện quyết liệt ngay từ ngày đầu, tháng đầu năm như chỉ đạo đội Quản lý nợ phân tích tuổi nợ, phối hợp với các đội thuế gửi giấy mời, thông báo làm việc để DN đến làm việc

tại cơ quan Thuế hoặc tại trụ sở doanh nghiệp nắm bắt tình hình thực tế, khả năng tài chính cũng như xác minh tài khoản DN tại các Ngân hàng trên địa bàn; áp dụng đầy đủ trình tự các bước thu hồi nợ thuế theo Quy trình Quản lý nợ thuế của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính quy định.

Bảng 2.11. Thực trạng công tác quản lý nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền - Hải An

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Thông báo đơn đốc kiểm tra	TB	502	503	524	628	615
QĐ cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản	DN	62	21	154	279	184
QĐ cưỡng chế bằng biện pháp TB hóa đơn không còn giá trị sử dụng	DN	16	6	7	39	28
Thu từ thông báo, đơn đốc...	Tr đồng	9.173	7.559	7.159	8.121	9.264
Thu từ cưỡng chế	Tr đồng	4.019	1.545	1.966	1.882	1.757
Tổng số tiền thu nợ	Tr đồng	13.192	9.104	9.125	10.003	11.021

(Nguồn: Chi cục thuế Khu vực Ngô Quyền – Hải An)

Năm 2016 Chi cục đã ban hành 502 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp; Ban hành 79 quyết định cưỡng chế thuế đối với 62 doanh nghiệp, quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 16 DN. Tổng số tiền thuế nợ năm 2016 đã thu hồi nộp Ngân sách nhà nước là 13.192 triệu đồng. Trong đó thu từ biện pháp thông báo, đơn đốc, kiểm tra và làm việc với các tổ chức, cá nhân kinh doanh là 9.173 triệu đồng; thu qua biện pháp cưỡng chế là 4.019 triệu đồng.

Năm 2017 Chi cục đã ban hành 503 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp; Ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với 21 doanh nghiệp, quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 6 DN, quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với 17 DN. Tổng số tiền thuế nợ năm 2017 đã thu nộp Ngân sách nhà nước là 9.104 triệu đồng. Trong đó thu từ biện pháp thông báo, đơn đốc, kiểm tra và làm việc với các tổ chức, cá

nhân kinh doanh là 7.559 triệu đồng; thu qua biện pháp cưỡng chế là 1.545 triệu đồng.

Năm 2018 Chi cục đã ban hành 524 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp; Ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với 154 doanh nghiệp, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 7 DN, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với 12 DN. Tổng số tiền thuế nợ năm 2018 đã thu nộp Ngân sách nhà nước là 9.125 triệu đồng. Trong đó thu từ biện pháp thông báo, đôn đốc, kiểm tra và làm việc với các tổ chức, cá nhân kinh doanh là 7.159 triệu đồng; thu qua biện pháp cưỡng chế là 1.966 triệu đồng.

Năm 2019 Chi cục đã ban hành 628 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp; Ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với 297 doanh nghiệp, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 39 DN, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với 8 DN. Tổng số tiền thuế nợ năm 2019 đã thu nộp Ngân sách nhà nước là 10.003 triệu đồng. Trong đó thu từ biện pháp thông báo, đôn đốc, kiểm tra và làm việc với các tổ chức, cá nhân kinh doanh là 8.121 triệu đồng; thu qua biện pháp cưỡng chế là 1.882 triệu đồng.

Năm 2020 Chi cục đã ban hành 615 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp; Ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với 184 doanh nghiệp, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 28 DN, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với 12 DN. Tổng số tiền thuế nợ năm 2015 đã thu nộp Ngân sách nhà nước là: 11.021 triệu đồng. Trong đó thu từ biện pháp thông báo, đôn đốc, kiểm tra và làm việc với các tổ chức, cá nhân kinh doanh là 9.264 triệu đồng; thu qua biện pháp cưỡng chế là 1.757 triệu đồng.

2.2.2.4. *Thực trạng chống thất thu thuế qua quản lý thu nộp thuế*

Kết quả thực hiện nộp thuế của các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn quận Hải An và Ngô Quyền như sau:

Bảng 2.12. Kết quả thực hiện thu nộp thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Dự toán	Thực hiện	Thực hiện /Dự toán (%)
2016	238.100	246.194	103.4
2017	306.800	313.288	102.1
2018	400.700	399.704	99.8
2019	542.400	526.446	97.1
2020	622.800	607.745	97.6

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Trong đó số thu theo từng sắc thuế như sau:

Bảng 2.13. Kết quả thực hiện thu nộp theo sắc thuế của các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Lệ phí môn bài	5,453,175	5,705,850	6,109,745	6,650,001	7,154,063
2	Thuế GTGT	170,526,540	218,124,215	260,359,542	342,982,315	406,235,641
3	Thuế TNDN	62,138,145	80,230,229	120,763,984	160,132,452	177,726,884
4	Thuế TTĐB	1,065,899	1,261,870	2,728,113	5,629,587	4,560,306
5	Thuế Thu nhập cá nhân	7,009,910	7,966,308	9,742,668	11,051,546	12,068,306
Tổng		246,193,669	313,288,472	399,704,052	526,445,901	607,745,200

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Như vậy số thu thuế của các doanh nghiệp giao thông vận tải do Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An quản lý năm sau luôn cao hơn năm trước.

- Năm 2016 dự toán giao 238.100.000 nghìn đồng, thực hiện 246.193.669 nghìn đồng đạt 103,4%. Năm 2016 là năm chi cục thuế hoàn thành xuất sắc kế hoạch giao.

- Năm 2017 dự toán giao 306.800.000 nghìn đồng tăng so với năm 2016 là 68.700 nghìn đồng tăng 28,85%. Thực hiện 313.288.472 nghìn đồng đạt 102,1% so với dự toán tăng so với năm 2016 là 67.094.803 nghìn đồng.

- Năm 2018 dự toán giao 400.700.000 nghìn đồng tăng so với năm 2017 là 93.900 nghìn đồng, tăng so với năm 2016 là 162.600 nghìn đồng. Thực hiện đạt 399.704.052 nghìn đồng đạt 99,8 % tăng so với năm 2017 là 86.415.580 nghìn đồng.

- Năm 2019 dự toán giao 542.400.000 nghìn đồng tăng so với năm 2018 là 141.700.000 nghìn đồng. Thực hiện đạt 526.445.901 nghìn đồng đạt 97,1 % tăng so với năm 2018 là 129.441.849 nghìn đồng.

- Năm 2020 dự toán giao 622.800.000 nghìn đồng tăng so với năm 2019 là 80.400 nghìn đồng, tăng so với năm 2016 là 384.700 nghìn đồng. Thực hiện 607.745.200 nghìn đồng đạt 97,6% tăng so với năm 2019 là 81.299.299 nghìn đồng tăng so với năm 2016 là: 361.551.531 nghìn.

Trong ba năm 2018, 2019, 2020 Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An không hoàn thành kế hoạch giao do nhiều nguyên nhân: một phần do kế hoạch giao tăng, một phần do những đơn vị đang có số thu lớn nộp cho quận Ngô Quyền - Hải An lại chuyển cơ quan quản lý. Tuy nhiên số thực hiện cũng đã đạt trên 97% kế hoạch.

2.2.2.5. *Thực trạng chống thu thuế qua quản lý thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế*

Quy trình hoàn thuế ban hành theo Quyết định số 905/QĐ - TCT ngày 01/07/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình hoàn thuế.

Trong giai đoạn từ 2016-2020 Chi cục thuế đã tiếp nhận 27 hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp vận tải số tiền xin hoàn trên 16,9 tỷ đồng.

Bảng 2.14. Tình hình giải quyết hồ sơ hoàn thuế của doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế quận Ngô Quyền

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
1	Tiếp nhận hồ sơ						
1.1	Số hồ sơ (hồ sơ)	4	7	6	6	4	27
1.2	Số tiền (tỷ đồng)	2.1	4.5	2.8	3.6	3.9	16.9
2	Kết quả giải quyết						
2.1	Số hồ sơ (hồ sơ)	4	7	6	6	4	27
2.2	Số tiền được hoàn (tỷ đồng)	1.9	4.2	2.2	3.1	2.6	14
2.3	Số tiền không được hoàn (tỷ đồng)	0.2	0.3	0.6	0.5	1.3	2.9

(Nguồn: Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An)

Từ năm 2016 - 2020 số hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng do Chi cục thuế quản lý đã được giải quyết hồ sơ một cách nhanh chóng, đúng thời gian quy định. Từ năm 2016 - 2020 số tiền thuế không được hoàn là 2,9 tỷ đồng, trong đó năm 2020 có số tiền không được hoàn thuế lớn nhất là 1.3 tỷ đồng.

Qua số liệu về số hồ sơ cần phải giải quyết cho thủ tục hoàn thuế và tiền hoàn thuế đó chứng tỏ rằng tại chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An còn tình trạng người nộp thuế vẫn chưa tự giác kê khai chính xác, trung thực đầy đủ các nội dung phải nộp dẫn đến phải hoàn thuế.

2.2.2.6. Thực trạng chống thu thất thu thuế qua công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tại chi cục được thực hiện đa dạng. Đặc biệt trong năm qua trong bối cảnh đại dịch Covid-19, đối với những người nộp thuế gặp khó khăn đã được triển khai hiệu quả, kịp thời như các chính sách hỗ trợ theo Nghị định 41 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất, nghị định 70 về giảm mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất lắp ráp trong nước, Nghị quyết 954 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tăng mức giảm trừ gia cảnh người nộp thuế, Nghị quyết 116 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020.

Chi cục đã triển khai sâu rộng tới CBCC và người nộp thuế các nội dung chủ yếu các Nghị quyết của Chính phủ như : Luật 38/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019; Nghị định 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về Lệ phí môn bài; Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội được thông qua ngày 26/11/2019; Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội; Nghị định 113/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ; Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế....

- Trong năm 5 năm qua, Chi cục đã thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, qua phát thanh, truyền hình; qua văn bản hỏi đáp về chính sách, Chi cục đã thực hiện trả lời đúng hạn các văn bản này.

- Phối hợp với cơ quan tuyên giáo để tuyên truyền về thuế: in băng đĩa tuyên truyền trên loa phát thanh trên địa bàn 2 quận Ngô Quyền và Hải An về

việc nộp lệ phí môn bài, khoán thuế theo Thông tư 92/2015/TT-BTC, thuế vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô...

- Chi cục luôn chú trọng công tác đối thoại, lắng nghe ý kiến người nộp thuế, nhằm nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính thuế và công tác quản lý thuế.

Thuế là một lĩnh vực có phạm vi ảnh hưởng rộng, tác động trực tiếp đến từng cá nhân, tổ chức trong xã hội, là một lĩnh vực nhạy cảm với vấn đề dân chủ của nhân dân. Khi xã hội càng phát triển, trình độ dân trí càng cao, mọi người càng quan tâm hơn về lĩnh vực thuế, đây là thách thức của cả ngành thuế nói chung và bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ nói riêng. Ý thức của người dân, trình độ dân trí càng cao, thì việc tuyên truyền, hỗ trợ càng nhanh chóng, thời gian để hướng dẫn có thể được rút ngắn hơn, nội dung tuyên truyền và hỗ trợ chỉ tập trung vào những cái còn gặp nhiều vướng mắc. Như vậy, khi trình độ nhận thức của NNT được tăng lên thì hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ sẽ trở nên thuận tiện và dễ dàng hơn vì lúc này cán bộ tuyên truyền, hỗ trợ chỉ cần tập trung vào việc hướng dẫn, tư vấn các vấn đề trọng điểm, phức tạp.

Hoạt động TTHT NNT tuy là của ngành thuế nhưng rất cần sự phối hợp của các cơ quan ban ngành khác như đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí... để NNT có nhiều điều kiện hiểu hơn về pháp luật thuế từ đó làm tròn nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ các quyền của mình đối với CQT. Chính vì thế, sự quan tâm, ủng hộ của cấp lãnh đạo, của các ban ngành có liên quan, sự chú ý của công chúng là chất xúc tác quan trọng đảm bảo thực hiện và thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT.

Có thể nói, công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT đã rất được quan tâm và triển khai kịp thời, điều đó góp phần không nhỏ vào công tác chống thất thu thuế của chi cục. Tuy vậy vẫn còn tình trạng NNT chưa hiểu, hoặc chưa kịp hiểu đúng và đầy đủ các vấn đề và các nội dung trong các nghị định mới về thuế được triển khai dẫn đến các hiện tượng như chậm nộp, phải tiến hành truy thu và xử phạt do nộp chậm, phải điều chỉnh thuế, hoàn thuế...

2.2.4. Đánh giá chung về công tác chống thất thu thuế doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

2.2.4.1. Thành tựu đạt được

Chi cục đã thực hiện triển khai đồng bộ, thống nhất hệ thống chính sách pháp luật thuế, hệ thống chính sách pháp luật về quản lý thuế. Tổ chức tuyên truyền về chính sách thuế, luật thuế mới; tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt thông tin, giải đáp những vướng mắc, đặc biệt là các chính sách miễn, giảm, giãn nộp, gia hạn của Chính phủ cho các doanh nghiệp đạt kết quả tốt. Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã tuyên truyền trên đài phát thanh tỉnh 1.895 buổi; trên truyền hình tỉnh là 97 buổi; tổ chức đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp 152 lần; trả lời 169 văn bản; giải đáp bằng điện thoại và trực cho NNT là 26.358 lượt.

Công tác kê khai, nộp thuế dần được nâng cấp hiện đại hóa, số doanh nghiệp khai thuế và nộp thuế qua mạng tăng đều qua các năm. Tính đến 31/12/2020 đạt 100% doanh nghiệp Chi cục đang quản lý thực hiện đăng ký chữ ký số để thực hiện kê khai thuế qua mạng.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật thuế góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hoàn thiện hệ thống chính sách. Tăng cường cả về số lượng, chất lượng cán bộ trong lĩnh vực thanh tra kiểm tra và trở thành lực lượng chủ yếu của cơ quan thuế. Cán bộ thanh tra kiểm tra từng bước giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ làm việc khách quan, trung thực.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tổ chức trong công tác quản lý thuế. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp vận tải trong việc tự khai, tự nộp và tự trách nhiệm theo đúng tinh thần cải cách quản lý thuế theo chức năng, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần giảm bớt thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ và thực thi pháp luật thuế, là cơ sở để công tác quản lý thu thuế của ngành đạt hiệu quả hơn.

Tăng cường quản lý cán bộ, công chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, tác phong công sở và đạo đức nghề nghiệp. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ,

công chức theo quy định, gắn kết quả nhiệm vụ được giao với công tác thi đua khen thưởng. Hoạt động kiểm tra chấp hành công vụ tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hoá ngành thuế, xây dựng Chi cục thuế Ngô Quyền ngày càng vững mạnh toàn diện.

2.2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Về quản lý kê khai, vẫn còn tình trạng chậm nộp hồ sơ kê khai dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải nộp phạt. Điều này có thể là do có thể Chi cục thuế đã chưa thực sự chủ động và quyết liệt áp dụng các biện pháp để thực hiện xử phạt vi phạm đối với người nộp thuế nộp chậm hồ sơ kê khai thuế, thời gian thực hiện quy trình xử phạt còn kéo dài, chưa đôn đốc người nộp thuế ký biên bản kịp thời... dẫn đến việc người nộp thuế khai chậm.

- Về tình hình thực hiện kế hoạch kiểm tra: đã phát hiện được các nguyên nhân vi phạm nộp thuế dẫn đến tình trạng thất thu thuế rất nhiều, điểm hình như: ghi nhận doanh thu không đúng, kê khai thiếu và sai, không xuất hóa đơn, xử dụng hóa đơn bất hợp pháp, hợp thức hóa chi phí không hợp lệ (làm giả hợp đồng sửa chữa phương tiện vận tải, lấy khống chứng từ...), không đáp ứng đủ điều kiện ưu đãi thuế, không theo dõi đúng và đầy đủ các hoạt động đem lại thu nhập cũng như được hưởng ưu đãi, bù trừ lãi lỗ không đúng quy định... Công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thời gian qua mặc dù đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế.

- Về công tác quản lý nợ đọng thuế: Số thuế nợ đọng không có khả năng thu hàng năm vẫn tăng về con số tuyệt đối (số liệu bảng 2.10). vẫn còn phải ra quyết định cưỡng chế đối với doanh nghiệp có hành vi gian lận và trốn thuế dẫn đến nợ đọng thuế (số liệu bảng 2.11). Điều này cho thấy rằng việc nắm bắt tình thực tế của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp còn chưa tốt, chưa nắm rõ khả năng tài chính của doanh nghiệp, xác minh tài khoản của doanh nghiệp tại các ngân hàng trên địa bàn chưa tốt.

- Về tình hình quản lý thu nộp thuế: trong 3 năm gần đây mới chỉ đạt trên 97% kế hoạch đề ra, một phần do kế hoạch giao tăng, một phần do những đơn vị đang có thu lớn chuyên chi cục quản lý.

- Về công tác quản lý thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế: vẫn còn tình trạng phải giải quyết hoàn thuế cho doanh nghiệp, chứng tỏ trong cơ chế tự khai tự tính, tự nộp thì doanh nghiệp kê khai chưa chính xác đầy đủ các nội dung, hoặc có thể là kê khai không trung thực.

- Về công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế: hiệu quả tuyên truyền hỗ trợ chưa cao dẫn đến tình trạng vẫn còn doanh nghiệp chưa hiểu, hoặc chưa kịp hiểu đúng và đầy đủ các vấn đề và các nội dung trong các nghị định mới về thuế được triển khai dẫn đến các hiện tượng như chậm nộp, phải tiến hành truy thu và xử phạt do nộp chậm, phải điều chỉnh thuế, hoàn thuế...

Hạn chế và nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm nộp thuế còn do:

Hệ thống chính sách thuế, hệ thống chính sách về quản lý đang trong quá trình hoàn thiện, thường xuyên thay đổi nên việc triển khai thi hành còn chậm, làm cho NNT nắm bắt thông tin không đầy đủ đồng bộ dẫn đến những vướng mắc trong thực thi. Các quy trình nghiệp vụ và các văn bản chính sách áp dụng đối với các doanh nghiệp vẫn còn những vấn đề chưa đồng nhất làm ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thực hiện của các cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế.

Công tác chỉ đạo điều hành mới chỉ tập trung vào các sắc thuế, nhưng doanh nghiệp có số thu cao. Những sắc thuế có số thu ít và nhất là lĩnh vực thu phí và lệ phí công tác chỉ đạo điều hành, giám sát thu chưa được coi trọng. Nên khi các sắc thuế, các doanh nghiệp có số thu lớn, có biến động thì việc huy động nguồn thu từ các sắc thuế có số thu ít và các khoản từ thu phí và lệ phí gặp khó khăn trở ngại, làm cho việc thực hiện dự toán thu không đạt.

Năng lực, trình độ, kỹ năng, trách nhiệm quản lý của một số cán bộ, công chức thuế chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý mới, chưa phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách pháp luật thuế cho NNT có nhiều chuyên viên nhưng chưa thật đáp ứng yêu cầu để nâng cao sự hiểu biết, tính tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của Nhà nước. Công tác tuyên truyền chưa thực sự đi sâu vào từng sắc thuế, từng đối tượng nộp thuế.

Công tác lập dự toán thu NSNN là khâu quan trọng quyết định tới nhiệm vụ thu NSNN nhưng còn bộc lộ nhiều hạn chế. Hạn chế lớn nhất là việc phân tích dự báo thu chưa chính xác, dự toán không sát với thực tế, làm ảnh hưởng đến công tác điều hành thu NSNN ở địa phương, hạn chế tính chủ động của ngân sách các cấp. Công tác lập dự toán thu NSNN hàng năm trên cơ sở số thu năm trước, tăng trưởng kinh tế, chỉ số tiêu và các quy định về thu thuế, phí và lệ. Lập dự toán thu NSNN của Tổng Cục thuế chưa mang tính định hướng cho từng giai đoạn, với những tiêu chí thống nhất, đồng bộ nên các cấp cơ sở địa phương cũng không xây dựng được chiến lược dài hạn, khai thác nuôi dưỡng, ổn định nguồn thu đảm bảo cho hoạt động chi ngân sách ở địa phương.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về NNT cần phải được cập nhật kịp thời, thường xuyên hơn nữa, phân quyền khai thác các ứng dụng quản lý cho các bộ phận còn hạn chế. Việc kết nối thông tin về NNT giữa các phần mềm quản lý còn hạn chế dẫn đến việc liên kết thông tin quản lý đối tượng nộp thuế chưa được đồng bộ, thường xuyên, từ đó tạo ra khó khăn trong việc quản lý doanh nghiệp.

Công tác phân tích nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế chưa được thực hiện triệt để, tỷ lệ nợ của các doanh nghiệp vận tải vẫn ở mức cao

Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn (tại cơ quan thuế) chưa thực sự hiệu quả, kỹ năng kiểm tra hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế và báo cáo tài chính của cán bộ khâu này còn hạn chế, vẫn những hồ sơ khai thuế đó Kiểm toán Nhà nước đã chỉ ra sai phạm của doanh nghiệp tiến hành truy thu thuế, điều chỉnh thuế.

Công tác kiểm tra tại trụ sở NNT phải xử lý kịp thời, chính xác, đúng quy định các hành vi vi phạm thì mới đủ sức răn đe những đối tượng có biểu

hiện vi phạm. Tình trạng trốn thuế, lậu thuế, gian lận về thuế, nợ đọng thuế còn diễn ra ở nhiều sắc thuế.

Người nộp thuế chưa hiểu chính xác về nghĩa vụ và quyền lợi từ khoản tiền thuế mà mình đóng góp; chưa hiểu rõ về nội dung chính sách và nghiệp vụ tính thuế, kê khai và nộp thuế; chưa nhận thức đúng trách nhiệm pháp luật về nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của mình. Do đó tính tuân thủ, tự nguyện chưa cao trong việc kê khai, tính thuế và nộp thuế vào Kho bạc, Ngân hàng theo thông báo của cơ quan thuế.

Một số doanh nghiệp kinh doanh cố ý, tìm mọi thủ đoạn, dưới mọi hình thức gian lận các khoản tiền thuế phải nộp như kê khai khống để chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng từ NSNN.

Ngoài yếu tố khách quan là hệ thống chính sách luật thay đổi liên tục điều này ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tiếp cận của người nộp thuế thì còn yếu tố chủ quan là ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp còn thấp.

Nhìn chung các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí chưa hiểu rõ bản chất của thuế, chưa nắm được nội dung cơ bản của chính sách thuế. Do đó, nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí chưa lên án kịp thời, mạnh mẽ các hành vi gian lận thuế và chưa hỗ trợ tích cực với cơ quan thuế để chống gian lận thuế... Về phía đối tượng nộp thuế, do chưa nắm bắt được quyền lợi, nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật thuế nên ý thức tự giác chấp hành các quy định về thuế, về xác định giá đối với các giao dịch liên kết chưa cao.

Sự phối kết hợp giữa các cơ quan ban ngành khác với ngành thuế còn chưa hợp lý và gắn kết. Quản lý thuế chịu tác động của rất nhiều yếu tố từ phía ngành thuế, từ Người nộp thuế đến môi trường xung quanh. Chính vì vậy để công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả thì không thể thiếu sự phối kết hợp của các cơ quan ban ngành khác như: Kho bạc Nhà nước thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng, Sở lao động - thương binh - xã hội, Bảo hiểm thành phố, Ngân hàng...; sự phối kết hợp thường xuyên giữa các cơ

quan này nhằm trao đổi, chia sẻ thông tin về số dự án đầu tư dự kiến thực hiện, số vốn đầu tư, số lao động của các doanh nghiệp là rất cần thiết cho cơ quan thuế trong việc xem xét rủi ro trong thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin còn gặp nhiều khó khăn: Do chính sách thuế thường xuyên thay đổi dẫn đến các chương trình ứng dụng liên tục thay đổi, thời gian triển khai gặp gây khó khăn cho cấp cơ sở; việc đào tạo tin học nâng cao và chuyên sâu về cơ sở dữ liệu, lập trình, quản trị hệ thống... chưa được ngành Thuế tổ chức thường xuyên; số lượng cán bộ tin học chưa đáp ứng đủ yêu cầu, nhiệm vụ và phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau.

2.3. Tiểu kết chương 2

Sau khi giới thiệu khái quát về Chi cục thuế Ngô Quyền - Hải An, luận văn đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Ngô Quyền - Hải An. Đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải tại chi cục thông qua 6 nội dung là: qua quản lý kê khai tính thuế; qua thực hiện kế hoạch kiểm tra; qua quản lý nợ đọng thuế; qua quản lý thu nộp thuế; qua quản lý thủ tục, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; qua công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế. Thông qua phân tích thực trạng, luận văn đã đánh giá những thành tựu đạt được và những hạn chế trong công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Ngô Quyền - Hải An. Đồng thời chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải hoạt động tại địa bàn 2 quận Ngô Quyền và Hải An. Căn cứ vào những đánh giá này để từ đó đề ra biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Ngô Quyền - Hải An tại chương 3.

**CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP CHỐNG THẤT THU THUẾ ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP VẬN TẢI TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC NGÔ QUYỀN
- HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

3.1 Mục tiêu và yêu cầu của công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

3.1.1. Mục tiêu

- Giám sát chặt chẽ được nguồn thu thuế từ các doanh nghiệp vận tải, góp phần đảm bảo nguồn thu từ thuế tập trung một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời, thường xuyên, ổn định cho Ngân sách. Do đó, việc thực hiện tốt công tác chống gian lận thuế đối với các doanh nghiệp vận tải là một trong những cách tối ưu nhất để tối đa hóa số thu.

- Nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp vận tải, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả trong công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải nói riêng và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn hai quận Ngô Quyền và Hải An nói riêng.

- Tạo ra sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vận tải.

- Chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải lấy công tác thanh tra, kiểm tra, nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế, tăng cường công tác quản lý hóa đơn, tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế làm trọng yếu. Công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp vận tải từ chế độ quản lý người nộp thuế tự khai, tự tính, tự nộp thuế theo thông báo thuế sang cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp thuế đồng nghĩa với việc cho phép các doanh nghiệp tự chủ hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Song trong điều kiện ý thức chấp hành pháp luật của các DN vận tải này chưa cao, các cơ quan thuế không thể lơ là công tác kiểm tra.

- Thực hiện tốt Chiến lược phát triển ngành Thuế; Tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-

2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về những nhiệm vụ, biện pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu thuế các năm tiếp theo trong bối cảnh tình hình kinh tế được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, trong đó có những thuận lợi, thời cơ và cả những thách thức đan xen. Vì vậy, phải có sự lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, đoàn kết nội bộ, kỷ luật kỷ cương, phát huy tối đa sức mạnh nội lực để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp vận tải về chính sách thuế, đa dạng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với từng đối tượng. Đẩy nhanh số lượng NNT kê khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử nhất là DN vận tải. Công tác thanh tra kiểm tra phải được chú trọng và tăng cường trên cơ sở đảm bảo thời gian theo quy định, có tổng kết đánh giá chất lượng từng cuộc thanh tra kiểm tra để rút ra bài học kinh nghiệm. Tập huấn trang bị kỹ năng cho cán bộ thanh tra, kiểm tra nhằm nhận dạng chính xác các hành vi vi phạm của NNT. Kiểm tra việc đăng ký, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn đối với các doanh nghiệp, tăng cường xác minh hóa đơn để phát hiện và xử lý kịp thời các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Tăng cường công tác quản lý trong ngành, nâng cao kỷ luật kỷ cương, đổi mới phương pháp làm việc; củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ. Với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải thì mục tiêu thì cần thực hiện thu đúng, thu đủ nhằm tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động. Nhưng cũng không để xảy ra tình trạng thất thu làm tổn thất đến ngân sách Nhà nước và ngân sách địa phương.

Tiến tới xây dựng Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An tiên tiến, hiện đại và chuyên nghiệp, có đội ngũ cán bộ thuế giỏi về chuyên môn, giàu về kinh nghiệm, đảm bảo thực thi tốt pháp luật thuế; quản lý thuế công bằng, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả; Phục vụ người nộp thuế tốt nhất, tăng tính tự

giác tuân thủ pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế; Đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước nhằm xây dựng quận Ngô Quyền và quận Hải An phát triển, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đẩy nhanh công cuộc cải cách và hiện đại hóa ngành thuế, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kê khai, nộp thuế trên diện rộng. Xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế có hệ thống, đồng bộ, liên kết các ứng dụng trong quản lý thuế để khai thác và sử dụng có hiệu quả.

3.1.2. Yêu cầu

- Nhận diện được những thủ đoạn trốn thuế, tránh thuế của người nộp thuế để có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Phải thấy được những vấn đề tồn tại trong cơ chế hành thu, bộ máy tổ chức thu thuế để xây dựng phương hướng nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải trong thời gian tới.

- Phát hiện những bất hợp lý về chính sách để đề xuất, chỉnh sửa kịp thời phù hợp với thực tiễn.

- Kịp thời triển khai những kế hoạch đã được xây dựng và nghiêm túc xử lý các sai phạm một cách kịp thời và có hiệu quả.

3.2. Biện pháp chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An

Qua đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải do Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An quản lý, để đề xuất giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp vận tải trên địa bàn cho những năm tiếp theo.

Qua thực trạng nghiên cứu cho thấy, với các doanh nghiệp vận tải tại chi cục quản lý việc sai phạm dẫn đến thất thu thuế chủ yếu do các lý do: Hạch toán không đúng, không đủ doanh thu vận tải, nhất là doanh thu của các khách không lấy hóa đơn; Hạch toán vào chi phí nhiên liệu vượt quá thực tế, không lấy chứng từ; Hóa đơn nhiên liệu, vé cầu đường không chứng minh

được cung đường vận chuyên; Làm giả hợp đồng sửa chữa vận tải; Lấy không chứng từ, hóa đơn phụ tùng nhân công sửa chữa để bù và các chi phí không hợp lệ đã phát sinh... Vì vậy để chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải, các giải pháp được khuyến nghị là:

3.2.1. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế

Đại đa số doanh nghiệp vận tải nói riêng và các doanh nghiệp nói chung hoạt động trên địa bàn 2 quận Ngô Quyền và Hải An đều thực hiện tốt công tác kê khai và nộp thuế song bên cạnh đó vẫn còn doanh nghiệp vi phạm chính sách pháp luật Thuế. Hàng năm vẫn có doanh nghiệp vận tải bỏ trốn không nộp thuế (số liệu bảng 2.1), vẫn còn doanh nghiệp vận tải nộp chậm và bị xử phạt vì nộp chậm thuế (số liệu bảng 2.6 và 2.7). Để công tác quản lý thuế hiệu lực hiệu quả Chi cục thuế cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm. Thanh tra, kiểm tra không chỉ hạn chế thất thu thuế mà còn có tác dụng phát hiện ngăn chặn các hành vi vi phạm, tạo môi trường bình đẳng trong kinh doanh, đưa dần việc quản lý doanh nghiệp vận tải đi vào nề nếp.

Đối với công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế Tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế; tập trung nguồn lực, đổi mới phương pháp kiểm tra, nâng cao chất lượng hồ sơ khai thuế của NNT tại cơ quan thuế; trên cơ sở phân loại rủi ro nhằm phát hiện, xử lý các trường hợp kê khai sai, kê khai thiếu thuế phải nộp nhằm đảm bảo công tác kê khai thuế được thực hiện đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp và thời gian quy định.

Tăng cường kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế kịp thời phát hiện hoạt động có những dấu hiệu bất thường như doanh thu tăng đột biến, doanh thu tăng nhưng thuế đầu vào không tăng, thuế GTGT phát sinh lớn nhưng không phát sinh doanh thu bán hàng hóa dịch vụ để từ đó có kế hoạch thanh tra kiểm tra thuế tại trụ sở NNT nhằm ngăn chặn xử lý những hành vi vi phạm kịp thời hiệu quả.

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế Tăng cường thu thập thông tin NNT từ cơ sở dữ liệu NNT của cơ quan thuế, từ các cơ quan chức năng như thông tin doanh nghiệp, từ Sở kế hoạch đầu tư; thông tin gian lận thương mại từ Quản lý thị trường; thông tin về cấp phát vốn đầu tư cho hoạt động xây dựng cơ bản từ Sở tài chính, kho bạc nhà nước; cơ quan Công an và các tổ chức tài chính tín dụng... để đánh giá phân tích lựa chọn đối tượng thanh tra kiểm tra trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra đòi hỏi người tiến hành ngoài trình độ chuyên môn sâu, phải có kinh nghiệm nghề nghiệp, kỹ năng thanh tra kiểm tra, khả năng phán đoán tình huống và xử lý tình huống một cách chính xác, linh hoạt. Chính vì vậy, Xây dựng phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra; đặc điểm nhận dạng các hành vi vi phạm có thể phát sinh trong quá trình thực hiện cho từng loại hình doanh nghiệp, từng lĩnh vực kinh doanh, từng sắc thuế để cán bộ thực hiện thanh tra, kiểm tra nhanh chóng tiếp cận phát hiện vi phạm của DN, nhằm rút ngắn thời gian thanh tra kiểm tra tại cơ sở, tiết kiệm chi phí cho DN và cơ quan thuế. Các vi phạm về thuế diễn ra ở từng DN; quy mô, tính chất, thủ đoạn trốn thuế, tránh thuế của các DN trong nước ở mức độ kiểm soát được nên công tác thanh tra kiểm tra được tăng cường. Nhưng đối với DN đầu tư nước ngoài thì tính chất phức tạp, thủ đoạn tinh vi, quy mô xuyên quốc gia muốn ngăn chặn các hành vi vi phạm phải xây dựng lực lượng cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế tinh nhuệ, đảm bảo về số lượng và chất lượng cùng với những giải pháp về quản lý, trang thiết bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ và khả năng sử dụng công nghệ thông tin tốt phát hiện nhanh, kịp thời và xử lý nghiêm các vi phạm. Các hành vi vi phạm pháp luật thuế của NNT phát được phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định. Việc xử lý hành vi vi phạm phải được thống nhất giữa các Đoàn thanh tra, kiểm tra và trong Cục thuế, ngành thuế tạo sự công bằng giữa các doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp và các thành phần kinh tế. Tổng cục thuế cần phải xây dựng chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề, chỉ đạo các Cục Thuế trên toàn quốc thực hiện,

có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm để qua đó phát hiện những tồn tại, những kẽ hở của chính sách thuế; những bất cập trong quy trình quản lý kịp thời tham mưu cho Nhà nước bổ xung sửa đổi hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật thuế. Công tác thu phí, lệ phí hiện nay rất phức tạp, khó quản lý vì nhiều cơ quan, địa phương ban hành quy định thu phí, lệ phí với những mức thu khác nhau. Bên cạnh đó công tác quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí không hiệu quả dẫn đến những bức xúc trong nhân dân. Do vậy cần phải tăng cường công tác kiểm tra thu phí lệ phí trên địa bàn, qua đó tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ những loại phí, lệ phí, những mức thu không hợp lý. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trên địa bàn đẩy mạnh công tác thanh tra kiểm tra phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, tội phạm buôn bán và sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để chiếm đoạt tiền ngân sách. Hành vi chuyển giá trốn thuế của các DN liên kết đang là vấn đề được ngành thuế quan tâm.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để xây dựng cơ chế xác định giá tài sản cố định, nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào, xây dựng danh mục hàng hóa, nguyên vật liệu cơ bản làm cơ sở tham khảo giá hàng hóa cùng loại của các nước trong khu vực và thế giới làm cơ sở tham chiếu giá trong công đấu tranh chống chuyển giá của các doanh nghiệp liên kết. Thường xuyên học tập, trao đổi, tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra để rút ra bài học kinh nghiệm cho các cuộc thanh tra kiểm tra tiếp theo. Tổng hợp các hành vi vi phạm, cách thức vi phạm và nghiên cứu dự báo các hành vi vi phạm về thuế, những đặc điểm nhận dạng hành vi vi phạm đề ra các biện pháp phòng ngừa nhằm tạo cho NNT ý thức tự giác tuân thủ pháp luật thuế.

3.2.2. Tăng cường công quản lý hóa đơn

Vì doanh nghiệp vận tải thường hay trốn thuế theo kiểu: Hạch toán không đúng, không đủ doanh thu vận tải, nhất là doanh thu của các khách không lấy hóa đơn; Hạch toán vào chi phí nhiên liệu vượt quá thực tế, không lấy chứng từ; hóa đơn nhiên liệu, vé cầu đường không chứng minh được cung

đường vận chuyên; Làm giả hợp đồng sửa chữa vận tải; Lây không chứng từ, hóa đơn phụ tùng nhân công sửa chữa để bù và các chi phí không hợp lệ đã phát sinh vì vậy muốn chống thất thu thuế thì cần phải tăng cường công tác quản lý hóa đơn để doanh nghiệp vận tải không có cơ hội làm sai để trốn thuế.

- Chi cục nên có dấu hiệu nhận biết các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao để tăng cường công tác kiểm tra thuế gắn công tác kiểm tra hóa đơn, cùng với các biện pháp tăng cường quản lý, chống thất thu thuế qua thanh tra, kiểm tra, quản lý kê khai, kế toán thuế. Khoanh vùng đối tượng để quản lý, qua đó lựa chọn doanh nghiệp rủi ro ban hành Quyết định thanh tra, kiểm tra bằng cách:

+ Tập trung vào những đối tượng, những lĩnh vực hoạt động có nhiều khả năng xảy ra vi phạm pháp luật thuế. Phân loại đối tượng để quản lý, đặc biệt quan tâm những nhóm đối tượng: Doanh nghiệp có doanh thu lớn nhưng kho hàng không tương xứng; Các Doanh nghiệp xin ngừng, nghỉ kinh doanh sau đó có công văn giải trình và thay đổi người đại diện pháp luật; Các Doanh nghiệp mua bán sáp nhập với giá trị dưới 100 triệu đồng; Các Doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa có doanh thu đột biến tăng (50% trở lên) nhưng số thuế GTGT phải nộp $\leq 1\%$ số phát sinh trong kỳ; Doanh nghiệp kinh doanh vận tải không có phương tiện vận tải, Doanh nghiệp kinh doanh thương mại không có kho hàng...

+ Những đối tượng này tiềm ẩn nguy cơ cao việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và bất hợp pháp hóa đơn; do đó cần phải khoanh vùng theo dõi riêng. Hiện tại, thất thu thuế TNDN xảy ra chủ yếu ở các Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, do đó cần phải quản lý chặt chẽ hóa đơn, tổ chức quản lý chặt chẽ quy trình khai báo và nộp thuế, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm về hóa đơn.

- Tăng cường công tác hậu kiểm đối với các Doanh nghiệp mới thành lập: Sau khi cấp Giấy phép thành lập Doanh nghiệp, Chi cục thuế cần kiểm tra ngay các điều kiện hoạt động kinh doanh theo GCNĐKKD, nếu không đủ

điều kiện, có kiến nghị với Cơ quan cấp giấy phép đề thu hồi. Đồng thời, thực hiện kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp sau từ 6 tháng đến 1 năm thành lập, để xác định việc doanh nghiệp thành lập đề hoạt động thực tế hay để che mắt cơ quan chức năng thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

- Tổ chức sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực có chất lượng để tập trung tối đa cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế và hóa đơn. Thường xuyên nghiên cứu, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn của Doanh nghiệp.

- Tổng hợp, xây dựng các tài liệu, sổ tay nghiệp vụ theo chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực có rủi ro cao về thuế nhằm nâng cao trình độ và kỹ năng cho công chức làm công tác, kiểm tra thuế và hóa đơn.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn công tác kiểm tra thuế, kiểm tra hóa đơn và công tác kế toán cho cán bộ làm công tác kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng nghiệp vụ của cán bộ kiểm tra.

Thường xuyên đối chiếu, kiểm tra các báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, thông báo phát hành, thông báo hủy hóa đơn và các quy định để phát hiện các hành vi sử dụng hóa đơn trước khi thông báo phát hành, không hủy hóa đơn theo quy định, sai sót trong báo cáo hóa đơn có nghi vấn sử dụng hóa đơn sai quy định, vi phạm chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn. Kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về hóa đơn, quy trách nhiệm tới cán bộ trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn nếu để hồ sơ quá thời hiệu xử lý.

Đối với các hành vi vi phạm về hóa đơn đều được xác minh nguyên nhân, lý do, xác định cụ thể cá nhân, tổ chức vi phạm để thực hiện các chế tài xử lý theo đúng quy định, các hành vi vi phạm được xử lý công khai, minh bạch và công bằng nên việc chấp hành các quyết định xử lý đảm bảo thực hiện nghiêm. Trường hợp quá thẩm quyền, chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức, cá nhân lợi dụng sự thông thoáng trong chính sách quản lý sử dụng hoá đơn để mua, bán, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn gây thất thu cho NSNN.

Thực hiện nghiêm túc các bước cưỡng chế nợ thuế bằng hình thức ra thông báo hóa đơn hết giá trị sử dụng. Xử lý nghiêm các trường hợp DN có tình vi phạm sử dụng hóa đơn.

3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT để nâng ý thức chấp hành pháp luật Thuế của NNT

Đóng thuế là nghĩa vụ, do vậy cần tăng cường công tác tuyên truyền để người nộp thuế (các doanh nghiệp vận tải) thực sự hiểu nghĩa vụ của mình, trên cơ sở đó, tự giác chấp hành. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phải diễn ra thường xuyên trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng. Để có thể thực hiện tốt các nội dung nêu trên, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An cần triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Giải quyết các thủ tục hành chính về thuế bảo đảm thời gian, giải đáp và trả lời các vướng mắc về thuế đảm bảo đúng chính sách thuế.

- Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp để trực tiếp giải đáp thắc mắc cũng như lắng nghe ý kiến nghị của họ. Thông qua các buổi gặp gỡ, hội thảo cơ quan thuế giải thích cho các doanh nghiệp hiểu về chính sách cũng như chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Hiện nay hệ thống các văn bản pháp luật về thuế tương đối nhiều do vậy để cho cuộc hội thảo, giải đáp có hiệu quả, nên:

- Phối hợp với UBND phường thực hiện treo những pano, khẩu hiệu tuyên truyền những sửa đổi, bổ sung về thuế; tuyên truyền việc nộp thuế trên hệ thống loa truyền thanh của phường và tại các điểm thu của Kho bạc Nhà nước; phổ biến những quy định về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong việc thực hiện đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế, kê khai thuế và nộp thuế; thông báo các biện pháp đôn đốc thu nộp thuế và cưỡng chế nợ thuế; công khai và phê phán các trường hợp chây ì, dậm dora trong việc nộp thuế.

- Tiếp tục thực hiện và nâng cao hơn nữa chất lượng các Hội nghị đối thoại với người nộp thuế. Kế hoạch, chương trình, nội dung phải được xây dựng phù hợp theo từng đối tượng tiếp xúc với chủ đề trọng tâm là phổ biến

và hướng dẫn nội dung “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế có hiệu lực thi hành từ 1/7/2013” và “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực thi hành từ 1/7/2013”.

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế trong việc kê khai và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế. Lắng nghe và chia sẻ, xử lý kịp thời những phản ánh của doanh nghiệp, của người nộp thuế về công tác quản lý ngành thuế, về thực thi công vụ của công chức thuế.

Tuyên truyền, triển khai chiến lược cải cách hệ thống thuế. Phổ biến và thực hiện nội dung tuyên ngôn ngành thuế với tiêu chí “ Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới”.

+ Tiến hành hội thảo theo chuyên đề.

- Đối với các doanh nghiệp vận tải mới thành lập phát sinh nhiều nghiệp vụ cho nên vấn đề thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước còn hạn chế khi đó cơ quan thuế có thể cử cán bộ xuống hướng dẫn cho các doanh nghiệp này về cách lập tờ khai, cách ghi hóa đơn, chứng từ... hoặc hàng quý tổ chức các buổi hội nghị hướng dẫn cho các doanh nghiệp vận tải biển mới thành lập để doanh nghiệp thực hiện cho đúng.

- Tuyên dương kịp thời cả về vật chất cũng như tinh thần đối với các doanh nghiệp, cá nhân có thành tích tốt trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách.

- Để nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng công việc của cán bộ tuyên truyền cần động viên, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với những cán bộ có thành tích tốt, hoàn thành nhiệm vụ.

- Thực hiện cung cấp văn bản, ấn phẩm tại tủ sách cấp miễn phí tại cơ quan thuế.

- Đa dạng hóa các hình thức tư vấn thuế. Ngoài những hình thức tư vấn truyền thống như tư vấn trực tiếp cho từng đối tượng, tư vấn cho nhóm đối tượng, tư vấn qua thư điện tử... cơ quan thuế cần mở rộng thêm một số hình thức như:

+ Xây dựng hệ thống trả lời điện thoại tự động. Cơ quan thuế cần phối hợp với cơ quan quản lý về thông tin liên lạc đăng ký thực hiện chương trình sử dụng một số điện thoại để trả lời cho NNT (cả trả lời tự động và trả lời trực tiếp).

+ Xây dựng một Website của ngành thuế, cung cấp các dịch vụ như: dịch vụ đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, hỏi đáp qua mạng... và một số dịch vụ khác.

+ Phối hợp với đài phát thanh, truyền hình của quận và các huyện xây dựng chuyên mục về thuế phát định kỳ với các nội dung: giới thiệu các chính sách, chế độ về thuế; phóng sự về hoạt động của ngành thuế; giải đáp các câu hỏi vướng mắc về thuế... Xây dựng một số phim phóng sự, kịch ngắn với nội dung tuyên truyền về thuế. Ngoài ra có thể tổ chức định kỳ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật thuế trên một số báo, đài với từng loại đối tượng dự thi: học sinh, sinh viên, các tổ chức cá nhân kinh doanh...

+ Phát hành các ấn phẩm tuyên truyền và đổi mới các khẩu hiệu tuyên truyền trên các panô, áp phích theo hướng dễ hiểu, dễ nhớ và thiết thực.

- Xây dựng kho dữ liệu phục vụ công tác tuyên truyền. Bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu sẵn có về hệ thống văn bản pháp quy, văn bản hướng dẫn về thuế, tổng hợp những câu hỏi vướng mắc để giải quyết.

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho công tác tư vấn thuế. Rà soát tình hình trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ công tác.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế mặc dù không trực tiếp thu thuế cho nhà nước nhưng hiệu quả công tác này đem lại không nhỏ. Qua đó, tuyên truyền, giáo dục cho người nộp thuế thấy được tầm quan trọng của thuế cũng như nghĩa vụ của mình, trên cơ sở đó sẽ tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế.

** Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan có liên quan*

Lĩnh vực vận tải biển là một trong những lĩnh vực có ngành nghề rất rộng, liên quan đến nhiều tổ chức, cơ quan có liên quan. Tình trạng thất thu thuế xảy ra ở mọi lúc, mọi nơi. Cơ quan thuế là cơ quan tổ chức thu thuế, là nòng cốt trong công tác chống thất thu thuế tuy nhiên để cho công tác chống thất thu thuế có hiệu quả cao thì cần phải có sự phối hợp của các cấp, các ngành có liên quan, đặc biệt là Hải quan đối với lĩnh vực vận tải biển.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tiến hành rà soát lại các doanh nghiệp vận tải biển đảm bảo các doanh nghiệp vận tải biển đã đăng ký kinh doanh phải đăng ký mã số thuế theo đúng thời hạn quy định, ngăn chặn kịp thời những hành vi kinh doanh nhưng sau một thời gian mới đăng ký mã số thuế.

- Tăng cường phối hợp với cơ quan Công an phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế như buôn bán hóa đơn bất hợp pháp. Ngoài ra cơ quan Công an cũng cần phải khẩn trương điều tra làm rõ những vụ việc mà cơ quan thuế đã chuyển hồ sơ sang đặc biệt là đối với các doanh nghiệp bỏ trốn.

- Phối hợp với các ngân hàng trong việc thu thuế qua ngân hàng.

** Hình thành và tạo điều kiện cho loại hình dịch vụ làm thủ tục thuế phát triển.*

Chính sách thuế hiện nay thường xuyên thay đổi, có nhiều quy định doanh nghiệp chưa kịp bắt nhịp đã sửa đổi, bổ sung nên việc tiếp cận, áp dụng đúng quy định gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp vận tải biển chưa ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử nên chưa tiếp cận được với phần mềm hỗ trợ khai thuế, chưa sử dụng hóa đơn tự in...những lý do đó làm hạn chế việc tuân thủ pháp luật thuế, tăng chi phí của doanh nghiệp cũng như mất thời gian của cơ quan thuế do vậy khi hình thành các đại lý làm dịch vụ thủ tục thuế thì sẽ tiết kiệm thời gian cho cả doanh nghiệp và cơ quan thuế.

** Hoàn thiện hệ thống tin học, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu thuế.*

Nền kinh tế trong những năm tới sẽ phát triển với tốc độ cao theo xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá và chịu ảnh hưởng mạnh của sự phát triển Internet và công nghệ thông tin. Theo đó, phát sinh những hình thức kinh doanh mới như thương mại điện tử, bán hàng, thanh toán qua mạng, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được tin học hoá... sẽ gây áp lực đối với hệ thống quản lý thuế. Để đáp ứng được nhiệm vụ quản lý thuế trong giai đoạn mới, ngành thuế cần phải đẩy nhanh tiến độ hiện đại hoá, ứng dụng công nghệ tin học để tạo khả năng thích ứng cao và khả năng xử lý, phân tích được khối lượng thông tin lớn, kết nối thông tin với các ngành để quản lý được tình trạng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của từng doanh nghiệp. Mặt khác, ngành thuế cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cung cấp thông tin về thuế cho doanh nghiệp một cách nhanh chóng thuận tiện nhất nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường tính tự giác tuân thủ luật thuế. Một số giải pháp cần thực hiện:

- Đào tạo kiến thức về tin học cho toàn bộ cán bộ công chức, đảm bảo đủ trình độ sử dụng, khai thác công cụ máy tính ở mức độ thành thạo, có chất lượng.
- Xây dựng được đội ngũ cán bộ tin học đủ mạnh, đảm bảo về chất lượng cũng như về số lượng thì mới đủ khả năng điều khiển, vận hành hệ thống tin học lớn.
- Đầu tư xây dựng hệ thống trang thiết bị máy tính hiện đại đáp ứng được yêu cầu của công việc.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận nghiệp vụ với Tin học.
- Xây dựng một kho cơ sở dữ liệu chung để sử dụng cho toàn ngành khai thác và phối hợp cơ quan liên quan như Hải quan, Sở Tài chính, Công an... để có thông tin đầy đủ hơn nhằm tăng cường quản lý hoạt động của các doanh nghiệp.

3.2.4. Các biện pháp khác được đề xuất để chống thất thu thuế

**** Đẩy mạnh chỉ đạo điều hành thu ngân sách***

Triển khai kịp thời, đồng bộ các luật thuế, pháp lệnh phí lệ phí trên địa bàn. Chỉ đạo các phòng chức năng, các chi cục thuế phân tích rà soát đánh giá các nguồn thu phát sinh trên địa bàn đôn đốc nộp vào NSNN. Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương trong công tác đôn đốc nộp thuế, phí, lệ phí vào NSNN. Triển khai chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước. Triển khai hiệu quả Luật thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế Môi trường. Phối hợp với sở Tài nguyên môi trường tích cực đôn đốc tiền thuê đất của các doanh nghiệp, tổ chức đã được giao đất nộp vào NSNN và thực hiện tính chậm nộp theo quy định. Rà soát, tổng kết đánh giá để hoàn thiện, bổ sung các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế đảm bảo đáp ứng được như cầu thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý thuế theo phương pháp rủi ro. Rà soát các quy trình có liên quan tới công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng tăng thời gian nghiên cứu, phân tích tại cơ quan thuế, nâng cáo hiệu thời gian làm việc tại doanh nghiệp và trụ sở NNT. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, kiểm tra giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế theo đúng các quy trình quản lý thuế và quy chế của cơ quan. Phát huy sức mạnh của tập thể, các đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan. Thường xuyên thông báo tiến độ thu nộp ngân sách cho các cấp chính quyền địa phương, để tranh thủ sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng chính quyền đối với công tác thu ngân sách trên đại bàn.

Đổi mới công tác lập dự toán thu ngân sách: Dự toán thu ngân sách là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá công tác triển khai, thực hiện chính sách thuế, quy trình quản lý thuế ở Cục Thuế. Lập dự toán thu ngân sách phải khoa học, thống nhất. Lập dự toán thu ngân sách phải được tiến hành khách quan, tránh sự can thiệp của chính quyền các cấp, không nên áp đặt, phân bổ dự toán thu

từ trung ương xuống địa phương và cơ sở. Trên cơ sở quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh, chỉ số tiêu dùng, xu hướng phát triển của doanh nghiệp những thuận lợi, thách thức có thể gặp phải và nhu cầu chi ngân sách của địa phương; những chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã đặt ra; nguồn nhân lực của cơ quan thuế; những điểm mạnh, những tồn tại của cục cơ quan Thuế các cấp; cơ chế quản lý thuế và chính sách thu thuế, phí và lệ phí để phân tích, dự báo, đánh giá làm cơ sở xây dựng dự toán thu cho từng năm và cho từng giai đoạn phát triển. Dự toán thu ngân sách phải đảm bảo được thực thi hiệu quả với chi phí nhỏ nhất.

** Đẩy mạnh quản lý nợ và cưỡng chế thuế*

Công tác quản lý nợ phải được tăng cường, các khoản nợ phải được xác định chính xác. Đẩy nhanh tiến độ phân loại nợ để có kế hoạch xử lý kịp thời nhằm giảm tỷ lệ nợ; giải quyết dứt điểm các khoản khó thu và nợ chờ xử lý; triển khai thu triệt để số nợ có khả năng thu;

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành trong địa phương, các tổ chức tín dụng để tiến hành cưỡng chế nợ thuế qua tài khoản của NNT tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đình chỉ sử dụng hóa đơn có thời hạn; thông báo danh tính NNT nợ thuế lên thông tin đại chúng và các đối tác của NNT. Cưỡng chế nợ thuế phải được tiến hành quyết liệt, bám sát tình hình của Doanh nghiệp nợ thuế để công tác cưỡng chế nợ thuế đạt được hiệu quả.

Các khoản nợ khó thu phải tiến hành xác định rõ nguyên nhân, đánh giá phân tích tình trạng nợ và khả năng thu để trình cấp có thẩm quyền xem xét xóa nợ theo quy định nhằm giảm tỷ lệ nợ.

Giao chỉ tiêu công tác quản lý thu nợ, tăng cường kiểm soát, đánh giá chất lượng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, gắn với công tác đáng giá cán bộ và thi đua khen thưởng; kịp thời động viên những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thu nợ và cương quyết xử lý các tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác xử lý thu nợ, cưỡng chế nợ thuế.

Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng quản lý nợ nhằm hiện đại hóa công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

** Hoàn thiện công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa quy trình quản lý thuế và trang thiết bị phục vụ quản lý thuế*

Cải cách hành chính thuế, hiện đại hóa quy trình quản lý thuế và trang thiết bị phục vụ quản lý thuế phải đi đôi với đào tạo con người, vì con người là yếu tố quan trọng vận hành, khai thác các trang thiết bị, người thực hiện các bước của quy trình. Cải cách thuế quản lý thuế theo chức năng tăng tính chủ động của NNT; NNT tự tính, tự khai, tự nộp và tự chịu trách trước pháp luật. Để công tác quản lý thuế theo rủi ro phát huy hiệu quả thì cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phải đồng bộ thống nhất; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu NNT đầy đủ; liên kết tích hợp các ứng dụng quản lý thuế như đăng ký cấp mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế, nợ thuế, kế toán thuế và các vi phạm đã bị xử lý; kết nối thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý thu như Hải quan, kho bạc, ngân hàng và tài khoản của DN tại ngân hàng. Xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro trong quản lý thuế. Đẩy nhanh công tác kê khai thuế qua mạng; tính đến 31/12/2019 Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An 100% doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký số để thực hiện kê khai thuế qua mạng đạt 100% trên tổng số DN, số lượng DN nộp hồ sơ khai thuế qua mạng thành công đạt tỷ lệ trên 100%. Tiếp tục triển khai nộp thuế điện tử góp phần đẩy nhanh công tác cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tiết kiệm thời gian, chi phí cho NNT.

** Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho đội ngũ công chức quản lý thuế*

Từng bước xây dựng bộ máy quản lý thuế hiện đại, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Cục Thuế. Tăng cường giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế. Sắp xếp bộ máy Cục Thuế, Chi cục Thuế tinh gọn, đảm bảo hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho cán bộ công chức thuế; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chế độ kế toán, kỹ năng thanh tra, kiểm tra

thuế theo chuyên đề nhằm tạo cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế có được kỹ năng chuyên sâu. Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác quản lý thuế trên đại bàn nhằm trao đổi, học tập rút kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng quản lý thuế cho cán bộ thuế và nâng cao chất lượng quản lý thuế đối với các doanh nghiệp vận tải. Xây dựng bản mô tả công việc và thời gian thực hiện cho từng bộ phận, từng vị trí công tác để từ đó phân bổ nguồn nhân lực hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế trong thời kỳ mới; qua đó cũng đánh giá được năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ công chức thuế để có hướng bồi dưỡng và đào tạo. Tăng cường các biện pháp giáo dục, thực hiện tốt cuộc vận động “học tập, làm theo tấm gương đạo đức HCM”; không ngừng rèn luyện lập trường, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ công chức làm công tác quản lý thuế. Thực hiện tốt quy chế luân phiên, luân chuyển, điều động cán bộ theo quy định, đúng quy trình tạo môi trường mới, động lực phát triển cho cán bộ công chức thuế. Xây dựng cơ quan thuế hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả. Là đối đáng tin cậy của mọi tổ chức, cá nhân trong việc thực thi pháp luật Thuế. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một trong những nước đứng đầu về xếp hạng thuận lợi về thuế quan tại khu vực Đông Nam Á.

** Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các ban ngành, phòng ban có liên quan*

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đội thuế, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý thuế trên địa bàn.

Tăng cường trao đổi thông tin, xây dựng cơ dữ liệu kết nối thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý thuế hiệu quả giữa Cục thuế - Sở tài chính - Hải quan - Kho bạc nhà nước - Ngân hàng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế liên thông một cửa với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh trong việc cấp đăng ký kinh doanh và mã số thuế theo Nghị định số 43/2010/NĐ - CP và Thông tư

số 14/2010/TT - BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, theo cơ chế “một cửa liên thông”. Công tác phòng chống thất thu thuế, gian lận thuế, mua bán và sử dụng bất hợp pháp hoá đơn GTGT là nhiệm vụ của cơ quan thuế, nhưng không chỉ của riêng cơ quan thuế. Trốn thuế, lách thuế, gian lận thuế, mua bán hóa đơn bất hợp pháp là hành vi vi phạm pháp luật cần phải được tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật cùng đông đảo quần chúng tham gia chung sức. Để công tác phòng chống thất thu thuế, gian lận thuế đạt hiệu quả tốt cần có sự phối hợp nhịp nhàng của các cơ quan tổ chức; nhất là cơ quan điều tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thuế;

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành, xây dựng cơ chế giám sát hoạt động của các bộ phận quản lý một cách trung thực, khách quan hạn chế các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ trong công tác quản lý thuế nói chung và công tác thanh tra, kiểm tra thuế nói riêng, từ bước tiến tới mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, chuyên nghiệp, phù hợp với xu thế hội nhập Quốc tế nhằm phục vụ người nộp thuế tốt nhất.

3.3. Tiểu kết chương 3

Từ kết quả đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An và trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu của công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải nói riêng và công tác chống thất thu thuế của Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An nói chung, luận văn đã đưa ra 3 biện pháp chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An gồm: Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; Tăng cường công tác quản lý hóa đơn; Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật Thuế của NNT. Ngoài ra luận văn còn khuyến nghị một số giải pháp khác góp phần chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục thuế Ngô Quyền – Hải An thành phố Hải Phòng.

KẾT LUẬN

Trong những năm, cùng với đường lối đổi mới kinh tế đất nước đã có tác động tích cực thúc đẩy, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh đúng hướng, tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn. Các thủ tục hành chính được cải tiến đơn giản hơn tạo ra sự thông thoáng, từ đó các thành phần kinh tế phát triển mạnh, các doanh nghiệp phát triển nhanh chóng, đa dạng và phong phú góp phần tạo nhiều sản phẩm hàng hoá dịch vụ phục vụ nhân dân, thu hút hàng vạn lao động có việc làm, ổn định thu nhập đóng góp một phần đáng kể cho NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh quá trình phát triển thì việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN của các các doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải chưa sát đúng, do đó dẫn đến hiện tượng thất thu thuế còn nhiều. Cho nên tăng cường quản lý để chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp vận tải là điều cần thiết. Luận văn *“Đánh giá thực trạng công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An, thành phố Hải Phòng – đề xuất biện pháp”* đã phân tích, đánh giá và giải quyết một số nội dung cơ bản sau:

1. Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về thuế, vấn đề quản lý thuế và công tác chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải.

2. Phân tích và đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải tại Chi Cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An trong những năm từ 2016 – 2020. Thông qua việc đánh giá thực trạng trong công tác quản lý chống thất thu thuế, từ đó rút ra những nguyên nhân chủ yếu tác động đến quản lý chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải nói riêng và các doanh nghiệp tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An nói chung.

3. Trên cơ sở những thực trạng quản lý thu thuế doanh nghiệp vận tải ở quận Ngô Quyền - Hải An, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm

tăng cường và hoàn thiện công tác quản lý thu thuế, chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp vận tải nói riêng cũng như các doanh nghiệp khác trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp với hy vọng hạn chế sự thất thu về thuế tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An trong thời gian tới.

Hy vọng rằng, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An sẽ có những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý thuế. Qua đó góp phần đảm bảo hệ thống thuế có thể phục vụ ngày càng tốt hơn trong phát triển kinh tế - xã hội và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 156/2013/TT - BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.*
2. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư 302/2016/TT-BTC, Hướng dẫn về lệ phí môn bài.*
3. Chi cục thuế Hải An, *Báo cáo tổng kết Chi cục thuế Hải An các năm 2016, 2017, 2018, 2019.*
4. Chi cục thuế Ngô Quyền, *Báo cáo tổng kết Chi cục thuế Ngô Quyền các năm 2016, 2017, 2018, 2019.*
5. Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An, *Báo cáo tổng kết Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.*
6. Dương Đặng Chinh, Phạm Văn Khoa (2009). *Giáo trình quản lý tài chính công.* Nhà xuất bản Tài Chính.
7. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị định số 83/2013/NĐ - CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quản lý thuế và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý thuế.*
8. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Nghị định số 129/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế,* ban hành ngày 16 tháng 10 năm 2013.
9. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). *Nghị định 139/2016/NĐ-CP, Quy định về lệ phí môn bài.*
10. Nguyễn Thị Thu Cúc (2009), *Những vấn đề chung về Thuế,* Hà Nội.
11. Việt Dũng (2021), *Chú trọng công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế,* bài đăng trên Tạp chí Tài chính online, <https://tapchitaichinh.vn/Chuyen->

dong-tai-chinh/chu-trong-cong-tac-tuyen-truyen-ho-tro-nguoi-nop-thue-331684.html, xem ngày 20 tháng 2 năm 2021.

12. Lê Văn Hải (2010), *Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và giải pháp chống chuyển giá ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, ngành Luật Kinh tế, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2008), *Giáo trình Nghiệp vụ thuế*, NXB Tài chính, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Mỹ Linh, Phạm Thị Phương Loan (2012), *Thuế*, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Đăng Nguyên (2013). *Một số giải pháp hạn chế hành vi gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp tại quận 5*. Luận văn thạc sỹ trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
16. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), Luật số: 38/2019/QH14. *Luật quản lý thuế 2019*, Ban hành ngày 13 tháng 06 năm 2019, Hà Nội.
17. Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính (2019), *Quyết định số 211/QĐ-TCT Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng và văn phòng thuộc Cục Thuế*, ban hành ngày 25 tháng 3 năm 2019, Hà Nội.
18. Trường đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Quản Lý thuế*, NXB Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh.
19. Ngô Tăng Phước (2006), *Giáo trình Pháp Luật Kinh tế*, NXB Thống Kê, Hà Nội.